



HAXACO

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH
HANG XANH MOTORS SERVICE JOINT STOCK COMPANY



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2009



Mục Lục

Khai Quát Hoạt Động HAXACO	4
Lịch Sử Hình Thành Công Ty	4
Quá Trình Phát Triển	6
Định Hướng Phát Triển	7
Cơ Cấu Nhân Sự	8
Báo Cáo Của Tổng Giám Đốc Về Việc Thực Hiện Nhiệm Vụ 2009	14
Tổng Quan Thị Trường Năm 2009	15
Kết Quả Kinh Doanh – Dịch Vụ Năm 2009	18
Hoạt Động Marketing – PR Năm 2009	21
Kết Quả Phát Hành Cổ Phiếu	32
Hiệu Quả Đầu Tư CAMECO	33
Kết Quả Đào Tạo 2009	34
Tình Hình Nhân Sự 2009	35
Tình Hình Lao Động & Thu Nhập Người Lao Động 2009	35
Kết Quả Đầu Tư 2009	35
Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất	36
A. Báo Cáo Ban Tổng Giám Đốc	37
B. Báo Cáo Kiểm Toán	41
C. Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất 2009	49
Báo Cáo Hội Đồng Quản Trị	66
Báo Cáo của Ban Kiểm Soát	78
Báo Cáo Phân Phối Lợi Nhuận Và Chi Trả Cổ Tức	81
Báo Cáo Chi Trả Thù Lao Công Vụ	81
Kế Hoạch Phát Triển 2010	82
a. Đặc Điểm Thị Trường	83
b. Sản Phẩm Và Dịch Vụ	85
c. Quản Trị Rủi Ro	88
d. Kế Hoạch Phát triển 2010	89
Cơ Cấu Cổ Đông	98

KHÁI QUÁT HOẠT ĐỘNG HAXACO

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH CÔNG TY QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CƠ CẤU NHÂN SỰ



LỊCH SỬ HÌNH THÀNH CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh tiền thân là Cửa hàng trưng bày và Xưởng sửa chữa xe Ô tô với tên gọi là SAMCO 3, trực thuộc Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn được thành lập theo quyết định số 155/QĐ-UB ngày 03/12/1992 của UBND TP.Hồ Chí Minh, nay là Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn (SAMCO).

Ngày 15/10/1999, SAMCO 3 được cổ phần hoá và chuyển thành Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (viết tắt là Haxaco) theo quyết định 6148/QĐ-UB-KT của UBND TPHCM với ngành nghề kinh doanh như sau:

- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại xe Ô tô.
- Đại lý mua bán Ô tô và phụ tùng các loại.
- Tại thời điểm cổ phần hóa, Haxaco có vốn điều lệ là 4.500.000.000 đồng.

Ngày 01/06/2000, Haxaco chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần. Sau khi cổ phần hóa, Haxaco đã có những bước phát triển về quy mô và lĩnh vực hoạt động.

Giới Thiệu Về Công Ty:

Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**
Tên tiếng Anh : Hang Xanh Motors Service Joint Stock Company
Tên giao dịch : HAXACO

Biểu tượng của công ty :  **HAXACO**

Điện thoại : (84-8) 3512 0026 – 3898 3416
Fax : (84-8) 3512 0025
Website : www.haxaco.com.vn
Trụ sở chính : 235/18 (10) Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh. Trụ sở hiện nay của Công ty được sử dụng làm văn phòng, showroom trưng bày xe, Xưởng sửa chữa với tổng diện tích mặt bằng là: 2.517 m2.
City Showroom : 104 Nguyễn Văn Cừ, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1. Showroom đầu tiên với sự hiện diện đầy đủ các dòng xe Mercedes-Benz nhập khẩu chính hãng.
Vốn điều lệ : **80.558.460.000** đồng .
Giấy CNĐKKD : Số 4103000071 /CNĐKKD do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 17/05/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 13.



QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

Giới Thiệu Về Công Ty:

- Tháng 06/2000 : Haxaco trở thành đại lý của Công ty Liên doanh Mercedes-Benz Việt Nam (MBV) và Xí nghiệp Liên doanh Sản xuất Ô tô Hòa Bình (VMC). Công ty cũng bổ sung thêm một số hoạt động mới, bao gồm: đóng mới thùng xe các loại; mua bán và cho thuê xe Ô tô; mua bán phụ tùng, máy móc thiết bị chuyên ngành Ô tô.
- Tháng 03/2001 : Phát triển thêm hoạt động thiết kế, cải tạo phương tiện xe cơ giới đường bộ.
- Tháng 09/2002 : Haxaco đạt chứng nhận ISO 9001:2000 do tổ chức Quacert và JAS - ANZ của NewZealand cấp trên 2 lĩnh vực: đại lý bán Ô tô và cung cấp dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa Ô tô.
- Tháng 10/2003 : Haxaco phát hành thêm 67.500 cổ phiếu và nâng Vốn điều lệ lên 11.250.000.000 đồng.
- 11/08/2004 : Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh chính thức trở thành Autohaus đầu tiên của Mercedes-Benz tại Việt Nam.
- Tháng 08/2005 : Haxaco đăng ký tăng Vốn điều lệ lên 16.257.300.000 đồng.
- Tháng 01/2008 : Công ty tăng Vốn điều lệ lên 43.312.110.000 đồng.
- Tháng 11/2008 : Haxaco khai trương Showroom thứ 2 tại TP.HCM.

Hiện nay, Haxaco là nhà phân phối Mercedes-Benz có chất lượng dịch vụ sửa chữa hàng đầu Việt Nam.

Lĩnh vực kinh doanh:

- Đại lý mua bán ô tô và phụ tùng các loại.
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại xe ô tô.
- Đóng mới thùng xe các loại.
- Mua bán và cho thuê xe ô tô, mua bán phụ tùng, máy móc, thiết bị chuyên ngành ô tô.
- Thiết kế, cải tạo phương tiện xe cơ giới.
- Dịch vụ cứu hộ xe ô tô.
- Sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ (trừ rên, đúc cán, kéo kim loại, dập, cắt, gò, hàn, sơn, tái chế phế thải kim loại và xi mạ điện).
- Kinh doanh bất động sản.

13/12/2006 : Tình hình niêm yết

Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước có Quyết định số 113/ UBCK-GPNY về việc cho phép Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh niêm yết cổ phiếu trên

26/12/2006 :

thị trường chứng khoán.

17/01/2008 :

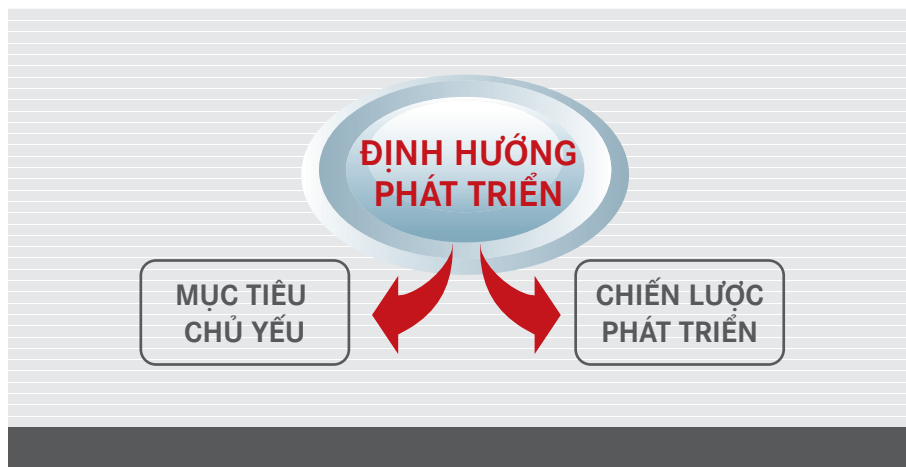
Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch Trung tâm giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Niêm yết bổ sung 2.705.481 cổ phiếu HAX phát hành thêm đưa tổng số cổ phiếu HAX giao dịch trên thị trường chứng khoán TP.HCM lên 4.331.211 cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu phát hành thêm được chính thức giao dịch ngày 25/01/2008.

20/10/2009 :

Năm 2009, Haxaco phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ. Tổng số cổ phiếu HAX giao dịch trên thị trường tăng lên 8.055.846 triệu cổ phiếu.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



Mục Tiêu Chủ Yếu:

- Mục tiêu chủ yếu của HAXACO là trở thành nhà cung cấp dịch vụ về xe hơi cao cấp đạt tiêu chuẩn toàn cầu để phục vụ tốt nhất khách hàng Việt Nam.
- Giữ vững vị trí trong top 3 nhà phân phối đứng đầu của MBV về thị phần.
- Khai thác tối đa và nâng cao hiệu quả hoạt động dịch vụ và sửa chữa xe.
- Mở rộng hoạt động kinh doanh để đa dạng hoá và hạn chế rủi ro kinh doanh.
- Thu hút nhân tài và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho CB CNV Công ty.
- củng cố và nâng tầm thương hiệu HAXACO.

Chiến Lược Phát Triển:

- Mở rộng, xây dựng thêm Showroom và Workshop mới tại các tỉnh, thành phố lớn như Cần Thơ, TP.HCM ...;
- Nâng cấp Xưởng sửa chữa MB;
- Đầu tư xây dựng Tòa nhà văn phòng tại số 10 Điện Biên Phủ, Quận Bình Thạnh;
- Đầu tư xây dựng cao ốc CAMECO;
- Kinh doanh các loại xe Mercedes-Benz cao cấp nhập khẩu và các dòng xe cũ nhập khẩu;
- Cung cấp thêm các dịch vụ sửa chữa cho các dòng xe khác;
- Có chính sách chi trả cổ tức và phát hành thêm cổ phiếu hợp lý đảm bảo lợi ích của cổ đông, đồng thời có lợi nhuận tích lũy để bổ sung nguồn vốn kinh doanh;
- Tăng ngân sách đào tạo nhân viên để nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, quản lý.

CƠ CẤU NHÂN SỰ

1. Sơ Đồ Tổ Chức



2. Sơ yếu lý lịch của HĐQT, BTGD, BKS

A/ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Chủ tịch HĐQT - NGUYỄN TIẾN DŨNG

Ngày tháng năm sinh : 26/11/1961
Nơi sinh : Hà Nội
Quốc tịch : Việt Nam
Số CMND : 020734992 cấp ngày 24/06/1994 tại CA TP.HCM
Dân tộc : Kinh
Quê quán : An Giang
Địa chỉ thường trú : 256/40 Nguyễn Tiểu La, P. 8, Q. 10, TP. HCM
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản lý Kinh tế, Kỹ sư chế tạo máy
Quá trình công tác :
1984 - 1994 : Kỹ sư Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn
1994 - 1998 : Phó Giám đốc Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn
1998 - 2004 : Giám đốc Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn
2004 - nay : Tổng Giám đốc Tổng Cty CK Giao thông Vận tải Sài Gòn,
Chủ tịch HĐQT Công ty CP DV Ô tô Hàng Xanh
Chức vụ công tác hiện nay : Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty CK GTVT Sài Gòn,
Chủ tịch HĐQT Công ty CP DV Ô tô Hàng Xanh
Số cổ phiếu nắm giữ : 2.689.794 cổ phiếu (33,39%).
Trong đó: + Sở hữu: 61.008 cổ phiếu (0,76%).
+ Đại diện sở hữu Vốn SAMCO: 2.628.786 cổ phiếu (32,63%).

Thành viên HĐQT – NGUYỄN HỒNG ANH

Ngày tháng năm sinh : 28/03/1961
Nơi sinh : Vũ Lăng, Kiến Xương, Thái Bình
Quốc tịch : Việt Nam
Số CMND : 020597824 cấp ngày 04/04/2005 tại CA TP.HCM
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Sài Gòn
Địa chỉ thường trú : 129 Đinh Bộ Lĩnh, P. 25, Q. Bình Thạnh, TP. HCM
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí nông nghiệp
Quá trình công tác :
04/1984 - 11/1993 : Kỹ sư Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn
12/1993 - 08/1996 : Phó Quản đốc phân xưởng sửa chữa Công ty CK Ô tô Sài Gòn
09/1996 - 06/1999 : Quản đốc phân xưởng Samco 3 Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn
07/1999 - 07/2004 : Phó Giám đốc Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn
08/2004 - nay : Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cơ Khí GTVT Sài Gòn
06/2006 - nay : Thành viên HĐQT Công ty CP DV Ô tô Hàng Xanh
Chức vụ hiện nay : Tổng Giám đốc Tổng Cty CK GTVT Sài Gòn,
Thành viên HĐQT Công ty CP DV Ô tô Hàng Xanh
Số cổ phiếu nắm giữ : 28.079 cổ phiếu (0,35%).
Trong đó: + Sở hữu: 28.079 cổ phiếu
+ Đại diện sở hữu (Vốn Nhà nước): 0 cổ phiếu

Thành viên HĐQT – PHẠM TUẤN MAI

Ngày tháng năm sinh : 19/10/1955
Nơi sinh : Hà Nội
Quốc tịch : Việt Nam
Số CMND : 021609404 cấp ngày 10/01/2007 tại CA TP.HCM
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Đà Nẵng
Địa chỉ thường trú : 110C Trần Bình Trọng, P. 1, Q. 5, TP. HCM
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí
Quá trình công tác :
1975 - 1979 : Hoạt động trong Quân đội Việt Nam
1979 - 1983 : Học Đại học Bách khoa
1983 - nay : Cán bộ Công ty xăng dầu khu vực II
Chức vụ công tác hiện nay : Chuyên viên Công ty xăng dầu Khu vực 2,
Thành viên HĐQT Công ty CP DV Ô tô Hàng Xanh
Số cổ phiếu nắm giữ : 329.613 cổ phiếu (4.09%).
Trong đó: + Sở hữu: 329.613 cổ phiếu
+ Đại diện sở hữu (Vốn Nhà nước): 0 cổ phiếu

Thành viên HĐQT – ĐẶNG PHẠM MINH LOAN

Ngày tháng năm sinh : 18/03/1977
Nơi sinh : Nam Định
Quốc tịch : Việt Nam
Số CMND : 024326432 cấp ngày 11/08/2006 tại CA TP.HCM
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Nam Định
Địa chỉ thường trú : 06 Phạm Ngũ Lão, Quận Gò Vấp, TP.HCM
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế - Chuyên ngành Kế toán Kiểm toán
Kế toán viên công chứng Anh quốc (ACCA, UK)
Kiểm toán viên cấp Nhà nước (CPA, Việt Nam)
Quá trình công tác :
1999 - 2000 : Kế toán Tài chính, Kế toán quản trị công ty Unilever Việt Nam
2000 - 2005 : Kiểm toán viên, Phó trưởng Phòng Kiểm toán Công ty Kiểm toán KPMG Việt Nam
2005 - nay : Công ty Vinacapital Corporate Finance Vietnam
Chức vụ công tác hiện nay : Giám đốc công ty Vinacapital Corporate Finance Vietnam
Thành viên HĐQT Công ty CP DV Ô tô Hàng Xanh
Số cổ phiếu nắm giữ : 0 cổ phiếu
Trong đó: + Sở hữu: 0 cổ phiếu
+ Đại diện sở hữu (Vốn Nhà nước): 0 cổ phiếu

B/ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc - NGUYỄN VĂN ĐỨC

Ngày tháng năm sinh : 20/10/1968
Nơi sinh : Vĩnh Long
Quốc tịch : Việt Nam
Số CMND : 024567218 cấp ngày 14/06/2006 tại CA TP.HCM
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Vĩnh Long
Địa chỉ thường trú : 244 Tạ Quang Bửu, P.4, Q.8, TP. Hồ Chí Minh
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Ô tô – Cơ khí (Trường ĐH Bách Khoa TP.HCM)
Cử nhân Quản trị Kinh doanh (ĐH Kinh tế TP. HCM)

Quá trình công tác :

08/1991- 05/2000 : Công tác tại Công ty Liên doanh Sài Gòn Ô tô sau đổi thành Công ty Liên doanh Ô tô Isuzu Việt Nam với các vị trí như sau: Quản đốc xưởng tổng thành Ô tô, Trợ lý Tổng Giám đốc, Cửa hàng trưởng Isuzu.

06/2000 - 03/2004 : Trưởng phòng Kinh doanh Cty CPDV Ô tô Hàng Xanh.
04/2004 - 06/2006 : Phó Giám đốc Kinh doanh Cty CP DV Ô tô Hàng Xanh.
07/2006 - 08/2007 : Giám đốc Công ty CP DV Ô tô Hàng Xanh
05/2007 - nay : Thành viên HĐQT kiêm TGĐ Cty CP DV Ô tô Hàng Xanh
Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP DV Ô tô Hàng Xanh

Số cổ phiếu nắm giữ : 70.545 cổ phiếu (0,88%).
Trong đó: + Sở hữu: 70.545 cổ phiếu
+ Đại diện sở hữu (Vốn Nhà nước): 0 cổ phiếu

Phó Giám đốc - VÕ THIẾU LÂM

Ngày tháng năm sinh : 01/09/1963
Nơi sinh : Quảng Ngãi
Quốc tịch : Việt Nam
Số CMND : 021353397 cấp ngày 13/12/1999 tại CA TP.HCM
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Thủ Đức
Địa chỉ thường trú : 19A Khu phố 3, P. Linh Trung, Q.Thủ Đức, TP. HCM
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Ô tô

Quá trình công tác :

12/1987 - 9/1993 : Nhân viên kỹ thuật Cty xe khách Thành thuộc Sở Giao Thông vận tải TP.HCM
8/1996 - 6/2000 : Nhân viên kỹ thuật - Quyền Quản Đốc Xưởng Samco 3 thuộc Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn
6/2000 - nay : Phó Giám Đốc Cty CP DV Ô tô Hàng Xanh
Chức vụ công tác hiện nay : Phó Giám Đốc Cty CP DV Ô tô Hàng Xanh

Số cổ phiếu nắm giữ : 11.474 cổ phiếu (0,14%)
Trong đó: + Sở hữu: 11.474 cổ phiếu
+ Đại diện sở hữu (Vốn Nhà nước): 0 cổ phiếu

C/ BAN KIỂM SOÁT

Trưởng Ban Kiểm soát – VĂN NGỌC TRƯỜNG SƠN

Ngày tháng năm sinh : 12/09/1969
Nơi sinh : Hà Tây
Quốc tịch : Việt Nam
Số CMND : 024250356 cấp ngày 30/03/2004 tại CA TP.HCM
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Hải Lăng, Quảng Trị
Địa chỉ thường trú : 215 lô G Chung cư Bàu Cát 2, P. 10, Q. Tân Bình
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Kinh tế
Quá trình công tác :
07/1996 – 03/1998 : Công tác tại Công ty XNK may Sài Gòn
12/1998 – 10/2004 : Công tác tại Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn
10/2004 – 09/2007 : Công tác tại Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn
09/2007 – nay : Giảng viên Trường ĐH Công nghiệp TP. HCM,
Công tác Cty DV Hàng không sân bay Tân Sơn Nhất
Chức vụ công tác hiện nay : Phó phòng Tài chính Kế toán Công ty DV Hàng
không sân bay Tân Sơn Nhất,
Trưởng BKS Công ty CP DV Ô tô Hàng Xanh.
Số cổ phiếu nắm giữ : 9.240 cổ phiếu (0,11%).
Trong đó: + Sở hữu: 9.240 cổ phiếu
+ Đại diện sở hữu (Vốn Nhà nước): 0 cổ phiếu

Thành viên Ban Kiểm soát – TRẦN THỊ NGỌC PHƯƠNG

Ngày tháng năm sinh : 12/12/1975
Nơi sinh : An Giang
Quốc tịch : Việt Nam
Số CMND : 351154538 cấp ngày 15/05/1992 tại CA An Giang
Dân tộc : Kinh
Quê quán : An Giang
Địa chỉ thường trú : 115 Trần Đình Xu, P. Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP. HCM
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính Kế toán
Quá trình công tác :
1998 – nay : Công tác tại Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn
Chức vụ công tác hiện nay : Kế toán viên TCTy Cơ khí GTVT Sài Gòn,
Thành viên Ban Kiểm soát Cty CP DV Ô tô Hàng Xanh
Số cổ phiếu nắm giữ : 8 cổ phiếu (0,00%).
Trong đó: + Sở hữu: 8 cổ phiếu
+ Đại diện sở hữu (Vốn Nhà nước): 0 cổ phiếu

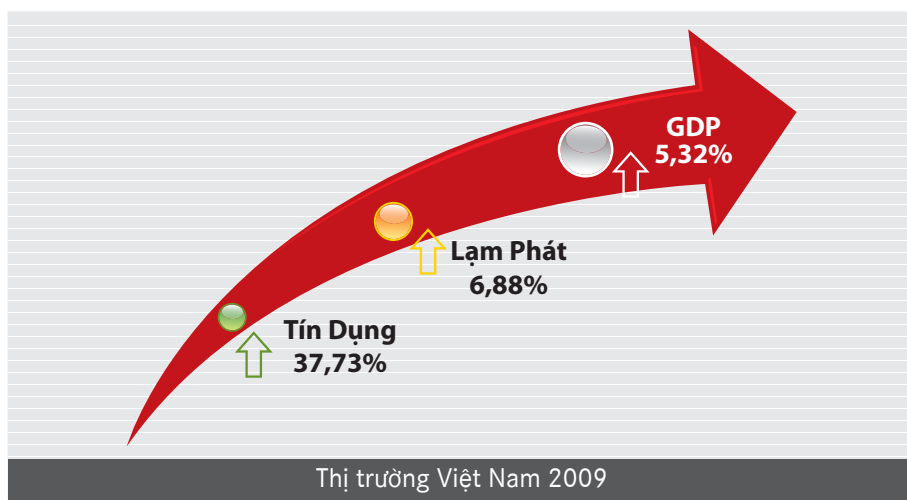
Thành viên Ban Kiểm soát – NGUYỄN VĂN MINH

Ngày tháng năm sinh : 02/04/1971
Nơi sinh : Sài Gòn
Quốc tịch : Việt Nam
Số CMND : 310808110 cấp ngày 26/09/2005 tại CA Tiền Giang
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Cai Lậy, Tiền Giang
Địa chỉ thường trú : 861/27/6/3 Trần Xuân Soạn, P. Tân Hưng, Q.7
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính Kế toán
Quá trình công tác :
1992-1996 : Kế toán tổng hợp Công ty TNHH Út Thương
1997-1998 : Kế toán tổng hợp Công ty Thực phẩm Sài Gòn
1999-nay : Kế toán trưởng Cty TNHH TBVP Đại Phong
07/2006-nay : Thành viên Ban Kiểm soát Cty CP DV Ô tô Hàng Xanh
2008 – nay : Kế toán trưởng Cty TNHH TM Phong Tín
Chức vụ hiện nay : Kế toán trưởng Công ty TNHH TM Phong Tín,
Thành viên BKS Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh
Số cổ phiếu nắm giữ : 930 cổ phiếu (0,01%).
Trong đó: + Sở hữu: 930 cổ phiếu
+ Đại diện sở hữu (Vốn Nhà nước): 0 cổ phiếu

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ VIỆC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ 2009

- Tổng Quan Thị Trường Năm 2009
- Kết Quả Kinh Doanh – Dịch Vụ Năm 2009
- Hoạt Động Marketing – PR Năm 2009
- Kết Quả Phát Hành Cổ Phiếu
- Hiệu Quả Đầu Tư CAMECO
- Kết Quả Đào Tạo 2009
- Tình Hình Nhân Sự 2009
- Tình Hình Lao Động & Thu Nhập Người Lao Động 2009
- Kết Quả Đầu Tư 2009

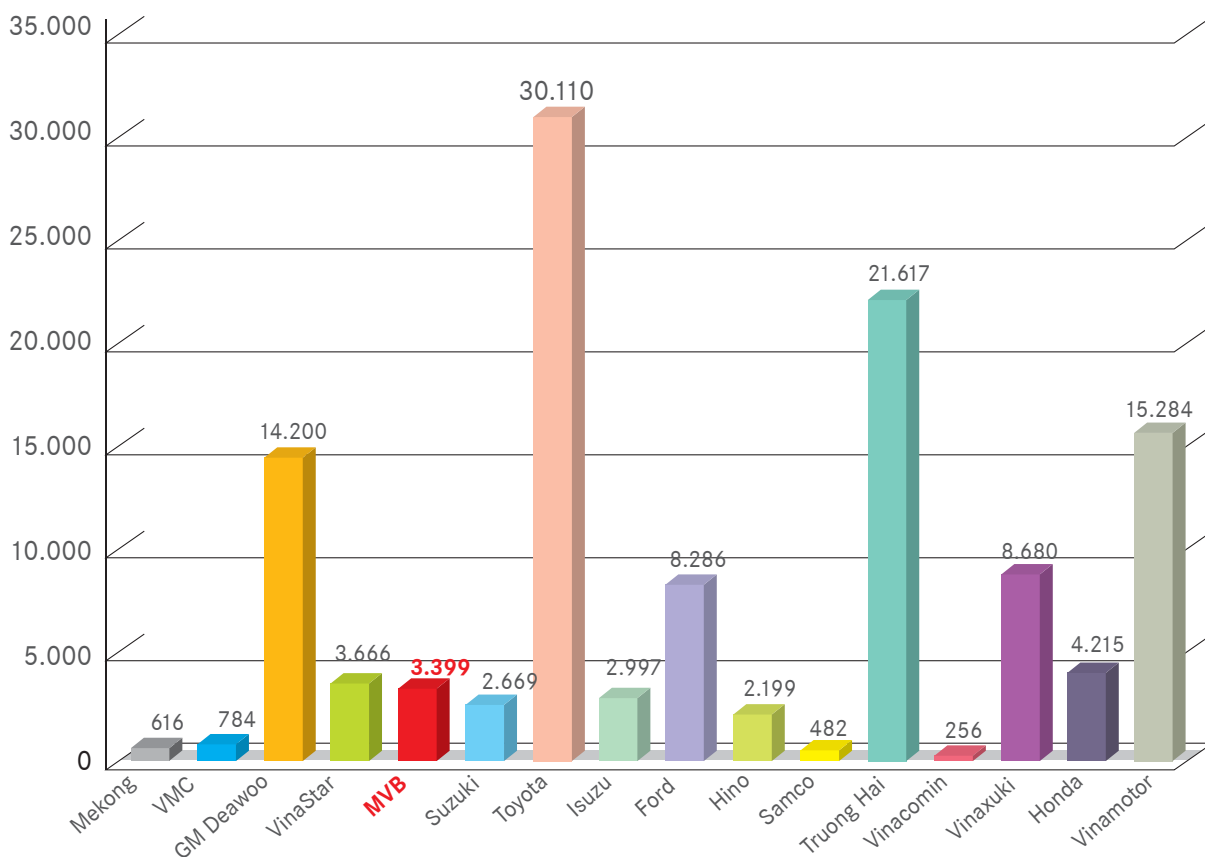
TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG NĂM 2009



01/02/2009	Thuế VAT giảm 5%
09/03/2009	Thuế nhập khẩu linh kiện giảm từ 2% - 5%
01/05/2009	Thuế trước bạ ô tô dưới 10 chỗ giảm 5% - 6%

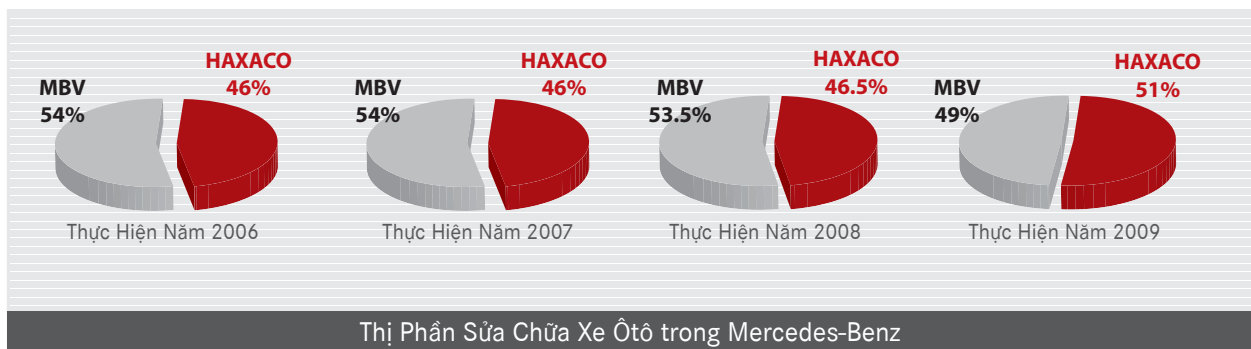
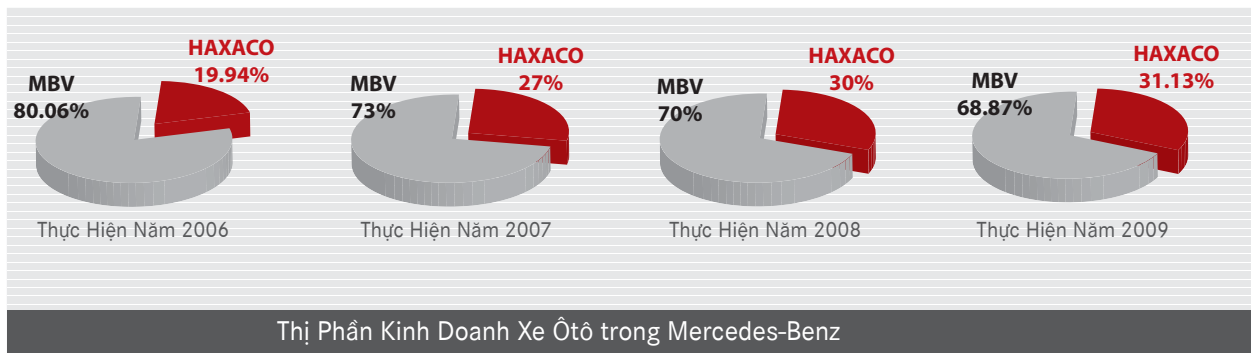
Chính sách thuế đối với ô tô

THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT			
Dòng Xe	Dung Tích Xi Lanh	2008	Từ 01/04/2009
Dưới 5 chỗ	< 2.0L	50%	45%
	Từ 2.0L - 3.0L	50%	50%
	> 3.0L	50%	60%
Ôtô 6 - 9 chỗ	< 2.0L	30%	45%
	Từ 2.0L - 3.0L	30%	50%
	> 3.0L	30%	60%
Ôtô 10 - dưới 16 chỗ		30%	30%
Ôtô 16 - dưới 24 chỗ		15%	15%



TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG NĂM 2009

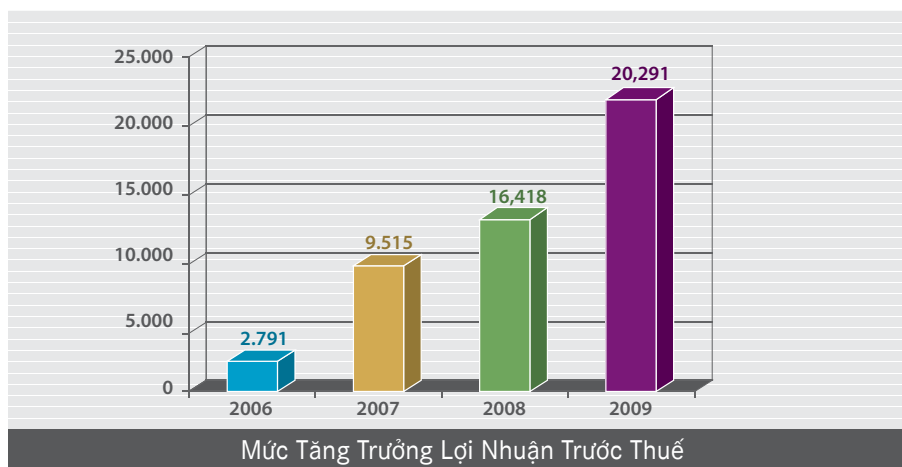
SẢN LƯỢNG BÁN HÀNG TRONG VAMA						
	Jan.- Dec. 2009		Jan.- Dec. 2008		Growth	
	Unit	%	Unit	%	Unit	%
Mekong (Fiat, Ssangyong, PMC)	616	0.5%	1,622	1.4%	(1006)	-62%
VMC (BMW, Mazda, Kia)	784	0.7%	522	0.5%	262	50%
GM Daewoo	14,200	11.9%	11,036	9.9%	3164	29%
VinaStar (Mitsubishi)	3,666	3.1%	2,925	2.6%	741	25%
Mercedes-Benz Vietnam	3,399	2.8%	2,118	1.9%	1281	60%
Visuco (Suzuki)	2,669	2.2%	3,001	2.7%	(332)	-11%
Toyota	30,110	25.2%	24,502	21.9%	5608	23%
Isuzu*	2,997	2.5%	3,385	3.0%	(388)	-11%
Ford	8,286	6.9%	6,473	5.8%	1813	28%
Hino*	2,199	1.8%	2,690	2.4%	(491)	-18%
SAMCO	482	0.4%	468	0.4%	14	3%
Truong Hai	21,617	18.1%	17,693	15.8%	3924	22%
Vinacomin - Vinacoal*	256	0.2%	385	0.3%	(129)	-34%
Vinaxuki	8,680	7.3%	8,070	7.2%	610	8%
Honda	4,215	3.5%	5,909	5.3%	(1694)	-29%
Vinamotor*	15,284	12.8%	21,147	18.9%	(5863)	-28%
Total	119,460	100%	111,946	100%	7,514	7%



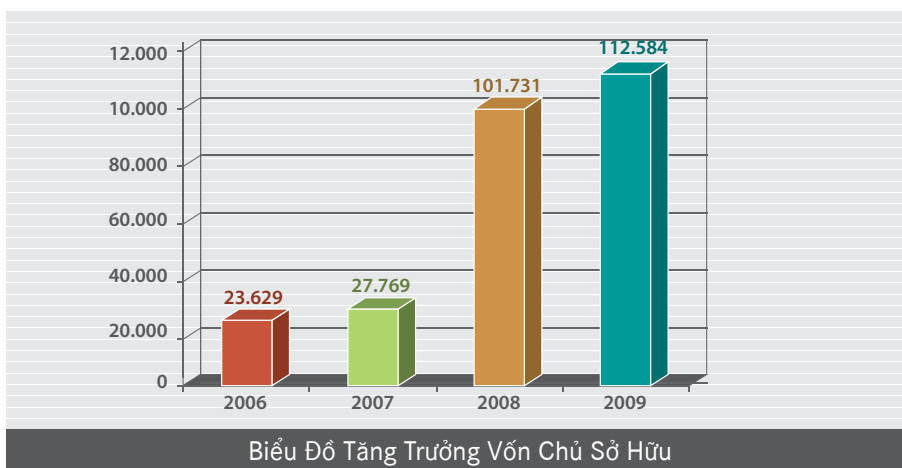
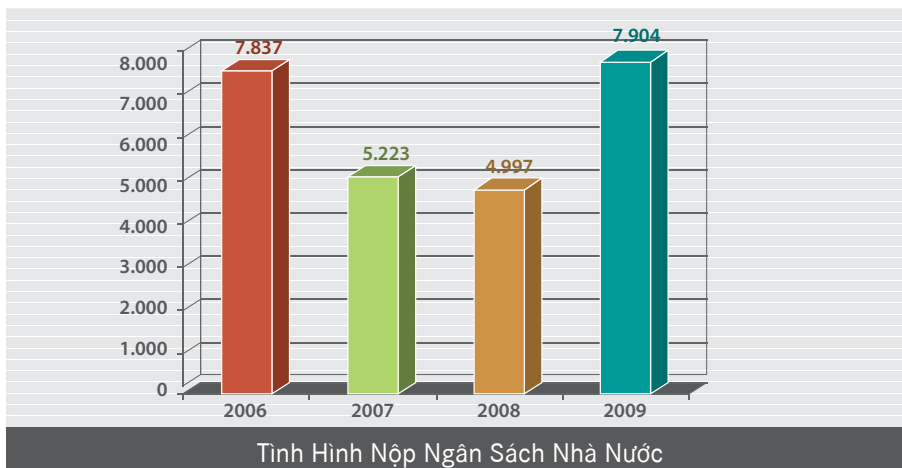
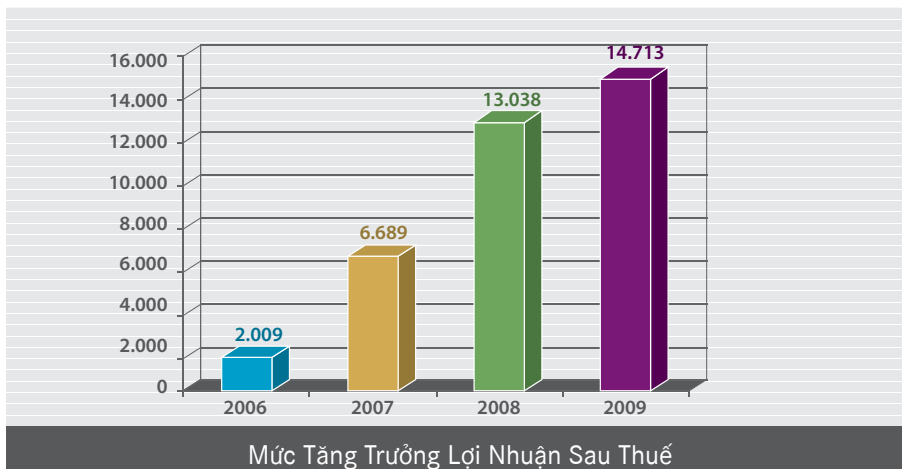
KẾT QUẢ KINH DOANH DỊCH VỤ 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH DỊCH VỤ 2009 (So với Kế Hoạch)				DVT: Đồng
STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2009	Kế hoạch 2009	Tỷ lệ (%)
1	Số lượng xe bán	1.058	600	176,33
2	Số lượt sửa chữa	10.533	10.500	100,31
3	Doanh thu thuần	1.183.212.177.876	550.976.176.000	214,70
4	Lợi nhuận gộp	75.179.092.160	44.255.280.000	169,88
5	Lợi nhuận trước thuế	20.290.717.034	13.000.000.000	156,08
6	Lợi nhuận sau thuế	14.712.624.907	9.750.000.000	150,90

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH DỊCH VỤ 2009 (So với Thực hiện 2008)				DVT: Đồng
STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2008	Thực hiện 2009	Tỷ lệ (%)
1	Số lượng xe bán	618	1.058	171,20
2	Số lượt sửa chữa	10.100	10.533	104,29
3	Doanh thu thuần	561.560.755.210	1.183.212.177.876	210,50
4	Lợi nhuận gộp	47.543.544.773	75.179.092.160	158,13
5	Lợi nhuận trước thuế	16.417.542.370	20.290.717.034	123,59
6	Lợi nhuận sau thuế	13.037.871.065	14.712.624.907	112,85



KẾT QUẢ KINH DOANH DỊCH VỤ 2009



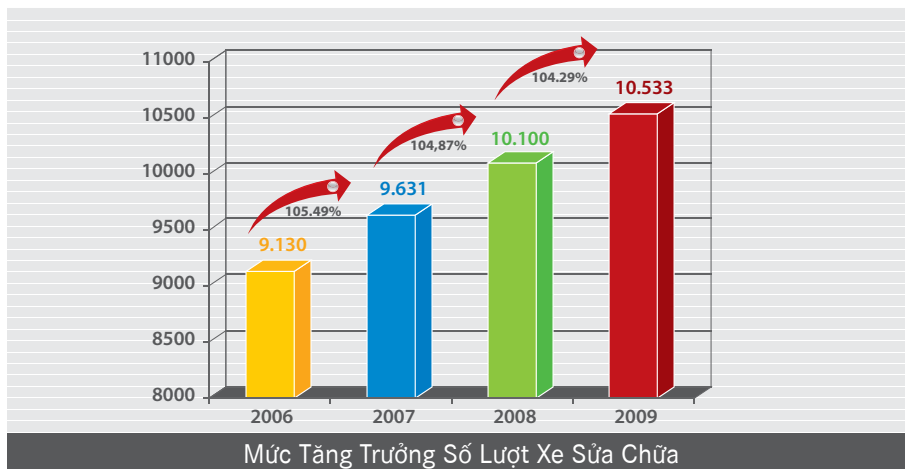
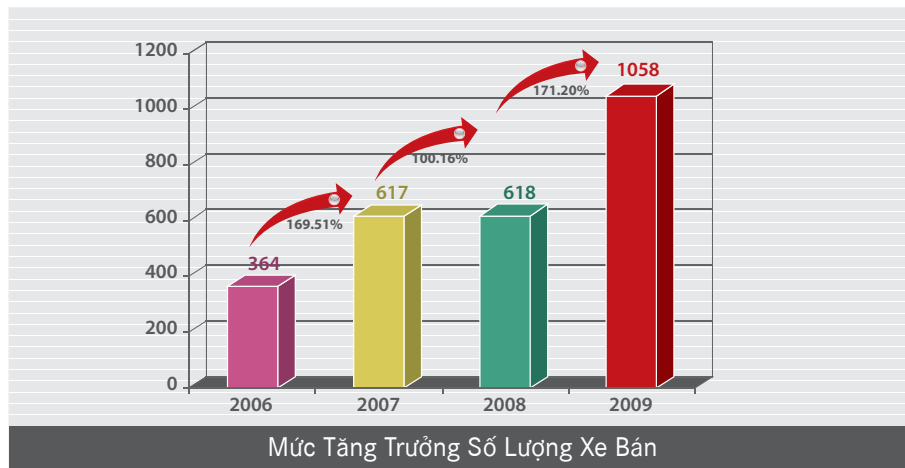
Trong năm 2009, chi phí thuê mặt bằng và chi phí marketing tăng nhiều so với năm 2008, cụ thể:

	Năm 2008	Năm 2009	Tỷ lệ (%)
Thuê mặt bằng	2.630.697.386	6.204.014.742	235,83
Marketing	509.301.862	3.037.242.555	596,35

Thị Phần Kinh Doanh Xe Ô tô trong Mercedes-Benz

Hoạt động Marketing với việc liên tục tổ chức các chương trình event hướng đến khách hàng thật sự đã mang lại hiệu quả nhất định, góp phần đẩy nhanh lượng xe PC bán ra gấp đôi, đồng thời gia tăng sự nhận biết về thương hiệu Haxaco trên thị trường ô tô, không chỉ về dòng xe Mercedes-Benz mà còn là các dòng xe cao cấp khác. Hiệu quả thể hiện cụ thể như sau:

	Năm 2008	Năm 2009	Tỷ lệ
Số lượng xe bán	618	1.058	171,20
Lợi nhuận trước thuế (Kinh doanh)	11.319	12.693	112,14
Lợi nhuận trước thuế (City SR)	(2.355)	2.131	-
Thị phần Kinh doanh	30%	31,13%	-



HOẠT ĐỘNG MARKETING – PR 2009

”Du xuân cùng Mercedes và Haxaco – 03/1/09”



Ngày 21/2 công ty Haxaco tổ chức ra mắt xe bán tải Sprinter Van mới và xe Sprinter New Feature nâng cấp cho dòng xe du lịch cao cấp



Mercedes Driving Experience, ngày 3 – 8/3/2009



Mercedes Night, ngày 27/3/2009, tại City Showroom 104 Nguyễn Văn Cừ



VIP Review GLK, ngày 10 – 12/4/2009



Test Drive In Mercedes Trophy, 26-28/06/2009 - Phan Thiết



Haxaco Summer roadshow & Test drive - 11&12/7/2009



Cùng tham gia Chương trình Fashion Tivi (FTV) - 08/2009



Lễ ra mắt xe E-Class mới - 12/9/2009, tại Khách sạn InterContinental SGAR



Haxaco tài trợ chính chương trình Ngày hội Doanh nhân VN





Chương trình Haxaco Test Drive Tour 2009, từ ngày 6 - 8/11/2009



Trưng bày xe tháng 11 và tổ chức test drive tại Sunrise City, Q.7 trong Motor Show 2009



Motor Show 2009, ngày 19 - 23/11/2009



Tài trợ chính “Đêm hội Tất niên diễn đàn Otofc” - 26/12/2009



Haxaco & truyền thông

ĐI ĐÚNG HƯỚNG - PHÁT TRIỂN VƯỢT BẬC

TAKE THE RIGHT COURSE

Đúng hướng nào mới là đúng hướng? Đó là câu hỏi mà bất kỳ ai cũng muốn tìm câu trả lời. Nhưng để đi đúng hướng, bạn cần phải biết mình đang ở đâu, đi đâu, và đi bằng cách nào. Haxaco Invest Group đã chọn đúng hướng để phát triển vượt bậc, đạt được những thành tựu đáng kể trong lĩnh vực đầu tư và kinh doanh.

Chúng tôi đã chọn đúng hướng để phát triển vượt bậc, đạt được những thành tựu đáng kể trong lĩnh vực đầu tư và kinh doanh.

Chúng tôi đã chọn đúng hướng để phát triển vượt bậc, đạt được những thành tựu đáng kể trong lĩnh vực đầu tư và kinh doanh.

HAXACO TEST DRIVE TOUR 2009

Đúng hướng nào mới là đúng hướng? Đó là câu hỏi mà bất kỳ ai cũng muốn tìm câu trả lời. Nhưng để đi đúng hướng, bạn cần phải biết mình đang ở đâu, đi đâu, và đi bằng cách nào. Haxaco Invest Group đã chọn đúng hướng để phát triển vượt bậc, đạt được những thành tựu đáng kể trong lĩnh vực đầu tư và kinh doanh.

Haxaco Test Drive Tour 2009

Thêm một sự kiện đặc biệt dành cho khách hàng Mercedes-Benz:

PHẠM KHUÊ

Sau thành công vang dội của chương trình "Summer Road Show and Test Drive" tại An Giang, Kiên Giang, Long An, Bà Rịa - Vũng Tàu, từ ngày 9 đến ngày 11 năm 2009, Công ty Mercedes-Benz Việt Nam (MBV) tiếp tục tổ chức chương trình "Haxaco Test Drive Tour 2009" với nhiều hoạt động hấp dẫn dành cho khách hàng Mercedes-Benz đang sở hữu các dòng xe Mercedes-Benz A-Class, B-Class, C-Class, E-Class, S-Class.

Chương trình do ông Phạm Khôi, Phó Giám đốc của Mercedes-Benz Việt Nam (MBV) đồng tổ chức cùng các thành viên của đội ngũ kỹ thuật và nhân viên bán hàng của Mercedes-Benz Việt Nam (MBV) đồng tổ chức cùng các thành viên của đội ngũ kỹ thuật và nhân viên bán hàng của Mercedes-Benz Việt Nam (MBV).

Chương trình do ông Phạm Khôi, Phó Giám đốc của Mercedes-Benz Việt Nam (MBV) đồng tổ chức cùng các thành viên của đội ngũ kỹ thuật và nhân viên bán hàng của Mercedes-Benz Việt Nam (MBV).

CÔNG NGHIỆP ÔTÔ VIỆT NAM

TRIỂN LÃM ÔTÔ VIỆT NAM 2009

Triển lãm Ôtô Việt Nam 2009 là sự kiện quy mô lớn nhất trong lĩnh vực ô tô tại Việt Nam, thu hút hàng ngàn người tham gia và giới thiệu hàng loạt mẫu xe mới nhất của các hãng ô tô quốc tế.

Chặng hành trình với Mercedes-Benz

Chặng hành trình với Mercedes-Benz là một trải nghiệm tuyệt vời, mang đến cho khách hàng những cảm giác mới mẻ và thú vị. Với công nghệ tiên tiến và thiết kế hiện đại, Mercedes-Benz luôn là lựa chọn hàng đầu cho những ai yêu thích sự sang trọng và đẳng cấp.

HAXACO
Putting Service Quality

HAXACO
TEST DRIVE TOUR 2009

DU LỊCH PHAN THIẾT BẰNG MERCEDES-BENZ



Haxaco nằm trong “*Top 100 thương hiệu chứng khoán uy tín VN*”

Giải thưởng được bình chọn bởi:

- Hiệp Hội Chứng Khoán Việt Nam
- Trung Tâm Thông Tin Tín Dụng Ngân Hàng Nhà Nước
- Tạp Chí Chứng Khoán



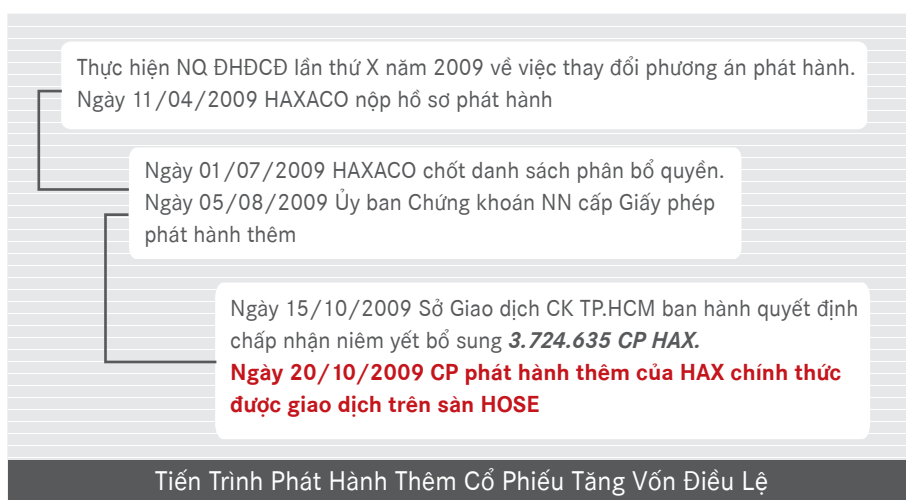
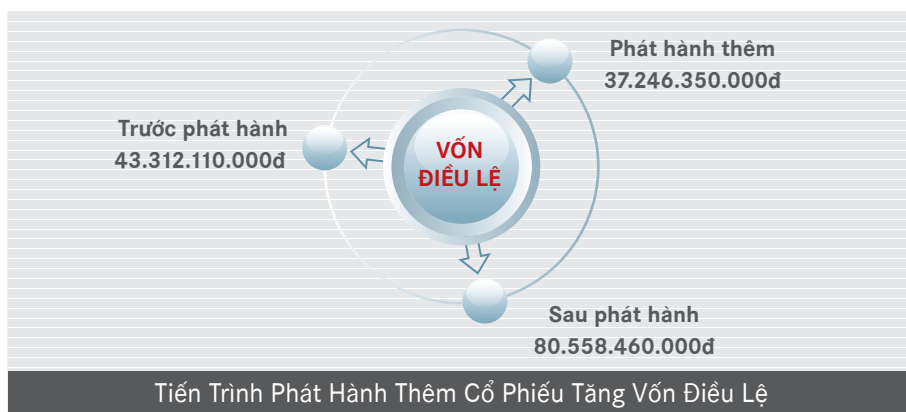
Hoạt động từ thiện: trao nhà đại đoàn kết cho người nghèo (Tiền Giang)



Đại hội đồng cổ đông thường niên lần X năm 2009



KẾT QUẢ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU



ĐỐI TƯỢNG PHÁT HÀNH	SỐ LƯỢNG	GIÁ PHÁT HÀNH
Cổ đông hiện hữu (10:1,6)	679.740 CP	10.000đ/CP
Cổ phiếu thưởng (10:7)	3.031.641 CP	
Nhân viên, Công nhân HAXACO	13.254 CP	HDQT phân phối cho 38 Nhân viên, Công nhân Công ty với giá 10.000đ/CP.
CỘNG	3.724.635 CP	

DANH MỤC	SỐ CỔ PHẦN	TỶ LỆ SỞ HỮU
I. Tổng vốn cổ phần	8.055.846	100%
1. Cổ đông sở hữu trên 5%	4.766.581	59,17%
2. Cổ đông sở hữu từ 1 - 5%	490.508	6,09%
3. Cổ đông sở hữu dưới 1%	2.798.757	34,74%
II. Trong đó	7.497.561	93,07%
1. Trong nước	6.468.857	80,30%
2. Nước ngoài	1.586.989	19,70%

Số tiền thu được từ đợt phát hành là **6.929.940.000** đồng sẽ được sử dụng từ Quý IV năm 2009 để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh xe.

HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ CAMECO

Tên Công ty	: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ Ô TÔ CẦN THƠ (CAMECO)
Tên tiếng Anh	: CANTHO AUTOMOBILE MECHANICAL JOINSTOCK COMPANY.
Trụ sở chính	: 102 Cách Mạng Tháng 8, Phường Cái Khế, Q Ninh Kiều, TP Cần Thơ.
Ngành nghề kinh doanh	: Bán xe ô tô, phụ tùng ô tô và phụ tùng phương tiện vận tải Sửa chữa đóng mới các phương tiện vận tải, sản xuất gia công các sản phẩm công nghiệp khác. Thiết kế đóng mới cải tạo các loại phương tiện vận tải cơ giới đường bộ. Xây dựng dân dụng, giao thông vận tải. Kinh doanh và cho thuê cao ốc văn phòng. Đầu tư tài chính, chứng khoán, đầu tư mua bán doanh nghiệp, kinh doanh cho thuê xe và vận tải. Kinh doanh xuất nhập khẩu.
Vốn điều lệ	: 10.000.000.000 đồng .
Tỷ lệ CP HAXACO nắm giữ	: 58%

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH DỊCH VỤ 2009				ĐVT: Đồng
STT	Chỉ tiêu	Thực hiện	Kế hoạch	Tỷ lệ (%)
1	Số lượng xe bán	198	271	73.06
2	Số lượt sửa chữa	4.366	4.510	96.81
3	Doanh thu thuần	117.919.661.005	120.000.000.000	98.27
4	Lợi nhuận trước thuế	1.774.243.664	1.300.000.000	136.48
5	Lợi nhuận sau thuế	1.452.204.756	1.072.500.000	135.40
6	Lương bình quân	2.956.000	3.200.000	92.38

KẾ HOẠCH KINH DOANH – DỊCH VỤ NĂM 2010				ĐVT: Đồng
STT	Chỉ tiêu	Kinh Doanh	Dịch Vụ	Cộng
1	Số lượt xe dịch vụ		4.800	4.800
2	Số xe bán	231		231
3	Doanh thu thuần	128.207	11.700	139.907
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	1.506	500	2.006
5	Lợi nhuận còn lại	1.130	375	1.505



Các dòng xe Mitsubishi



Xưởng Dịch vụ

KẾT QUẢ ĐÀO TẠO

TÊN KHÓA HỌC	Lượt Người	Tổng Chi Phí
Anh văn nâng cao (tt)	1	18,134,789
Maintenance Technician - nhóm 12	5	5,249,475
Basic EPC - Net for new comer	1	812,500
System Technician (Initial - test) - nhóm 5	16	9,849,445
Xentry Diagnosis	1	583,000
GLK Introductory	2	672,000
Hướng dẫn sử dụng sản phẩm sơn Dupont	2	729,000
GLK - class Introduction	21	11,516,425
Kế toán tài chính dành cho lãnh đạo	1	2,115,000
Kỹ năng giao tiếp và chăm sóc khách hàng	3	2,600,000
Service Advisor (nhóm3) Module 4- Legal Basic	1	187,500
Chuyên viên quan hệ công chúng	1	4,050,000
Nghiệp vụ quản lý kho	1	1,600,000
VEDOC KT 19/09	2	1,250,000
Quản Trị Dự Án	2	7,200,000
WS 2010	1	9,084,276
Quản Đốc Phân Xưởng	2	4,400,000
NTG4 Accessory - UMI and Rear Seat Entertainment System	1	150,000
New E-Class (W212) Introductory nhóm 1	3	786,093
Quản trị nguồn nhân lực dành cho lãnh đạo	1	1,675,000
AT 722.9 repair (transmission)	6	4,206,927
Nghiệp Vụ ATLĐ	56	3,000,000
Service Organisation industry & Market	1	375,000
Diễn tập PCCC	30	8,217,000
New e-Class (W212) Introductory nhóm 3	3	1,417,781
Workshop Training of Dealership Standard version 2009	3	754,500
MT Refresh & retest - nhóm 1		
EPC-Net Basic	6	3,156,563
Accident Repair	3	1,875,000
Luật đấu thầu và công tác đấu thầu	1	24,668,000
New CGI engine introductory	4	3,600,000
	5	1,798,583
CỘNG	186	135,713,858

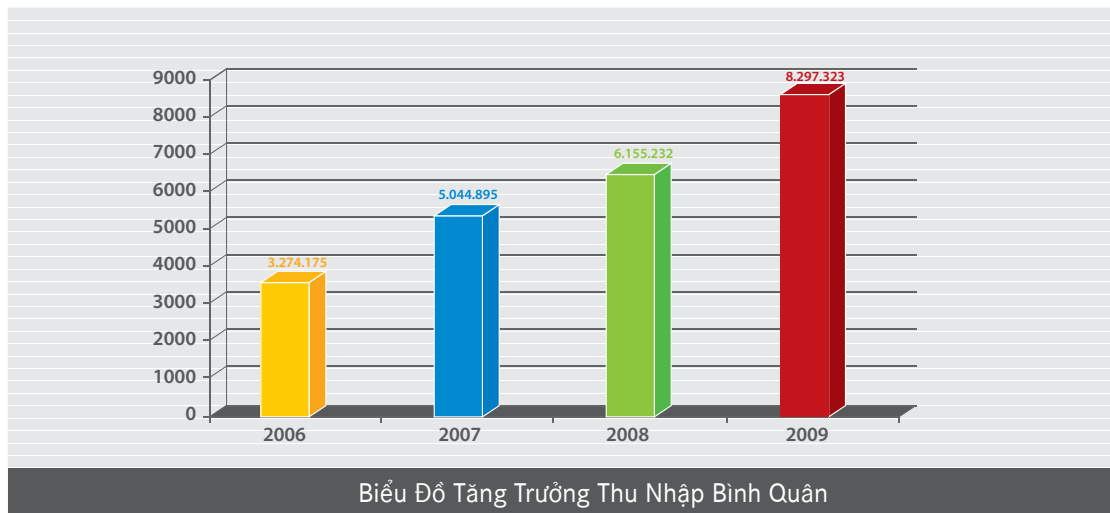
TÌNH HÌNH NHÂN SỰ 2009

Tổng số lao động Haxaco năm 2009 là 159 người, trong đó giảm 15 người và tăng 11 người.

TÌNH HÌNH LAO ĐỘNG & THU NHẬP 2009

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	Thực hiện 2008	Thực hiện 2009	Tỷ lệ (%)
1	Tổng số lao động	153	159	103,92
2	Tiền lương bình quân/LĐ	5.712.665	7.776.115	136,12
3	Thu nhập bình quân/LĐ	6.155.233	8.297.323	134,80



KẾT QUẢ ĐẦU TƯ 2009

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung	Thực hiện	Kế hoạch	Tỷ lệ (%)
1	Cải tạo Showroom theo tiêu chuẩn MPS II	566	760	74,47
2	Cải tạo VP Dịch vụ theo tiêu chuẩn MPS II	817	2.000	40,85
3	Lập Dự án tiền khả thi Cao ốc 10 ĐBP	-	200	-
4	Trang thiết bị VP, IT	391	960	40,73

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

- A. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**
- B. BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN**
- C. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**



A. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh và Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ (gọi chung là tập đoàn) đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên.

Khái Quát Về Tập Đoàn

Công ty mẹ:

Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh được cổ phần hóa từ một xí nghiệp của Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn theo Quyết định số 6418/QĐ - UB - KT ngày 15 tháng 10 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000071 ngày 17 tháng 5 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chuẩn y về việc tăng vốn điều lệ từ 43.312.110.000 VND lên 80.558.460.000 VND và bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ Đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông Nhà nước	26.287.860.000	32,63
Cổ đông khác	54.270.600.000	67,37
Cộng	80.558.460.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 235/18 Điện Biên Phủ, P. 15, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84 - 08) 3 5 120 026 - 3 5 120 840
Fax : (84 - 08) 3 5 120 025
Mã số thuế : 0 3 0 2 0 0 1 2 6

Hoạt động chính là:

- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại ô tô.
- Đại lý mua bán ô tô và phụ tùng các loại.
- Đóng mới thùng xe các loại.
- Mua bán và cho thuê ô tô, mua bán phụ tùng, máy móc, thiết bị chuyên ngành ô tô.
- Thiết kế, chế tạo phương tiện xe cơ giới đường bộ.
- Dịch vụ cứu hộ xe ô tô.
- Sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ (trừ rên, đúc, cán kéo kim loại, dập cắt, gò hàn, sơn, tái chế phế thải kim loại và xi mạ điện).
- Kinh doanh bất động sản.
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ.
- Đại lý bảo hiểm.

Công ty con:

Công Ty Cổ Phần Cơ Khí Ô Tô Cần Thơ

Địa chỉ : 102 Cách Mạng Tháng Tám, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Hoạt động chính : Sửa chữa đóng mới các phương tiện vận tải; Sản xuất gia công các sản phẩm công nghiệp khác; Thiết kế, đóng mới, cải tạo các loại phương tiện vận tải cơ giới đường bộ; Bán xe ô tô, phụ tùng ô tô và phụ tùng phương tiện vận tải; Xây dựng công trình dân dụng, giao thông; Kinh doanh và cho thuê cao ốc văn phòng; Đầu tư, mua bán doanh nghiệp; Kinh doanh và cho thuê xe ô tô; Vận tải hàng hóa, hành khách đường bộ; Kinh doanh xuất nhập khẩu.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 30).

Sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2009 cho đến thời điểm lập báo cáo hợp nhất này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất ngoài phần Thuyết minh số VIII.1.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội Đồng Quản Trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Chủ tịch	11/04/ 2009	-
Ông Phạm Tuấn Mai	Ủy viên	11/04/ 2009	-
Ông Nguyễn Hồng Anh	Ủy viên	11/04/ 2009	-
Ông Nguyễn Văn Đức	Ủy viên	11/04/ 2009	-
Ông Trần Vũ Anh	Ủy viên	28/ 05/ 2007	11/04/ 2009
Bà Đặng Phạm Minh Loan	Ủy viên	11/04/ 2009	-

Ban Kiểm Soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Văn Ngọc Trường Sơn	Trưởng ban	11/04/ 2009	-
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên	11/04/ 2009	-
Bà Trần Thị Ngọc Phương	Thành viên	11/04/ 2009	-

Ban Tổng Giám Đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Đức	Tổng Giám đốc	01 / 07 / 2006	-
Ông Võ Thiếu Lâm	Phó Giám đốc	01 / 07 / 2006	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh xác nhận rằng, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Tập đoàn, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc.



Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 4 năm 2010.

B. BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN





CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN

Số: 0206/2009/BCTC-KTTV

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2009 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Kính gửi: CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi đã thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh và Công ty con Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cán Thơ (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, được lập ngày 02 tháng 4 năm 2010, từ trang 06 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Quá trình kiểm toán được thực hiện theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Bùi Văn Khá - Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0085/KTV

Trần Hoàng Anh - Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1161/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 4 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009

DVT: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		180,281,460,719	130,296,034,650
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	14,833,172,953	8,950,418,250
1.	Tiền	111		14,833,172,953	6,450,418,250
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	2,500,000,000
				-	-
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4,000,050,000	5,938,451,335
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	4,000,050,000	7,574,306,000
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	-	(1,635,854,665)
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		84,898,718,426	44,449,796,230
1.	Phải thu khách hàng	131	V.4	83,510,367,155	40,528,385,811
2.	Trả trước cho người bán	132	V.5	782,703,431	1,067,176,109
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.6	605,647,840	2,854,234,310
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		74,420,418,351	65,995,819,180
1.	Hàng tồn kho	141	V.7	74,420,418,351	65,995,819,180
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		2,129,100,989	4,961,549,655
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	306,487,048	366,924,269
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	1,960,469,853
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	175,685,031
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	1,822,613,941	2,458,470,502
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		53,411,663,655	51,116,445,591
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		47,895,806,175	45,819,096,173
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	34,895,466,991	34,172,679,373
	Nguyên giá	222		53,279,005,367	48,608,513,779
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18,383,538,376)	(14,435,834,406)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	Nguyên giá	225		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.11	12,021,833,032	11,646,416,800
	Nguyên giá	228		12,075,416,280	11,658,916,800

DVT: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(53,583,248)	(12,500,000)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		978,506,152	-
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
	Nguyên giá	241		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		6,000,000	6,000,000
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	6,000,000	6,000,000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		1,224,653,743	491,164,914
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	166,740,103	415,376,095
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	124,944,460	75,788,819
3.	Tài sản dài hạn khác	268	V.15	932,969,180	-
VI.	Lợi thế thương mại	269	V.16	4,285,203,737	4,800,184,504
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		233,693,124,374	181,412,480,241

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A -	NỢ PHẢI TRẢ	300		116,320,315,875	74,958,282,609
I.	Nợ ngắn hạn	310		115,611,102,931	74,221,159,009
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.17	38,593,655,528	7,210,593,424
2.	Phải trả người bán	312	V.18	61,063,216,927	57,599,354,675
3.	Người mua trả tiền trước	313	V.19	6,843,237,850	4,548,037,344
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	6,036,082,144	2,382,384,536
5.	Phải trả người lao động	315	V.21	2,298,676,226	1,647,924,331
6.	Chi phí phải trả	316	V.22	17,500,000	167,827,680
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	758,734,255	665,037,019
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		709,212,944	737,123,600
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.24	166,663,944	146,666,000
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.25	542,549,000	590,457,600
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B -	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		112,315,583,553	101,690,700,623
I.	Vốn chủ sở hữu	410		111,847,944,016	100,533,966,324
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.26	80,558,460,000	43,312,110,000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	V.26	14,330,550,600	44,746,960,600
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417	V.26	7,036,053,199	5,564,790,708
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418	V.26	2,540,463,715	1,830,400,018
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.26	7,382,416,502	5,079,704,999
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		467,639,537	1,156,734,299
1.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	V.27	467,639,537	1,156,734,299
2.	Nguồn kinh phí	432		-	-
3.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C.	LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.28	5,057,224,946	4,763,497,009
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		233,693,124,374	181,412,480,241

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU		Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài		26,235,000	26,235,000
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		81,681,858,169	13,887,610,442
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại (USD)		464.60	463.62
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1,313,796,542,787	626,835,594,497
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	12,737,126,686	3,191,648,543
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1,301,059,416,101	623,643,945,954
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1,218,675,168,279	572,142,936,091
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		82,384,247,822	51,501,009,863
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3,022,970,945	4,000,916,060
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	9,838,456,438	6,236,470,200
Trong đó: chi phí lãi vay	23		6,875,980,708	4,535,000,428
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	45,226,883,802	25,127,232,479
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	10,826,848,068	9,571,863,054
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		19,515,030,459	14,566,360,190
11. Thu nhập khác	31	VI.7	11,247,721,415	5,303,120,177
12. Chi phí khác	32	VI.8	9,700,978,468	3,390,923,901
13. Lợi nhuận khác	40		1,546,742,947	1,912,196,276
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45			
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		21,061,773,406	16,478,556,466
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.20	5,949,286,676	3,442,167,568
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(49,155,641)	(75,788,819)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		15,161,642,371	13,112,177,717
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		608,613,008	114,513,312
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62	V.26	14,553,029,363	12,997,664,405
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	1,932	1,823

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 4 năm 2010

Phạm Hồng Ngọc
Người lập biểu

Nguyễn Thị Hồng Khanh
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám Đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

DVT: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu Chuyển Tiền Từ Hoạt Động Kinh Doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		21,061,773,406	16,478,556,466
2.	Điều chỉnh cho các khoản:				
-	Khấu hao tài sản cố định	02	V.11,12	6,073,894,400	5,947,670,621
-	Các khoản dự phòng	03	V.3	(1,635,854,665)	1,200,014,665
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1,290,920,785)	(1,777,246,949)
-	Chi phí lãi vay	06	VI.4	6,875,980,708	4,535,000,428
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				
	trước thay đổi vốn lưu động	08		31,084,873,064	26,383,995,231
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(34,447,847,020)	(26,270,143,557)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(8,993,572,297)	(38,913,087,704)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		5,138,693,023	47,052,082,982
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		309,073,213	(5,360,427,661)
-	Tiền lãi vay đã trả	13		(6,947,135,708)	(4,535,000,428)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2,228,417,685)	(3,603,250,900)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		142,220,000	6,600,000
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(2,530,981,429)	(1,386,689,073)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(18,473,094,839)	(6,625,921,110)

II.	Lưu Chuyển Tiền Từ Hoạt Động Đầu Tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(16,658,551,591)	(36,935,036,217)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.7	9,967,999,611	3,527,579,307
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10,381,333,000)	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		11,350,630,000	-
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(14,020,396,000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	9,025,960,000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	808,651,474	1,724,247,455
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4,912,603,506)	(36,677,645,455)

ĐVT: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu Chuyển Tiền Từ Hoạt Động Tài Chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		6,829,940,000	69,851,650,600
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.17	212,882,541,652	316,415,028,402
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.17	(181,479,481,604)	(345,235,260,184)
5.	Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.26	(8,964,547,000)	(6,843,084,599)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		29,268,453,048	34,188,334,219
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		5,882,754,703	(9,115,232,346)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	8,950,418,250	18,065,650,596
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	14,833,172,953	8,950,418,250

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 4 năm 2010

Phạm Hồng Ngọc
Người lập biểu

Nguyễn Thị Hồng Khanh
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám Đốc



C. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2009

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh và Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ phần.
2. Lĩnh vực kinh doanh : Dịch vụ.
3. Ngành nghề kinh doanh : Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại ô tô; Đại lý mua bán ô tô và phụ tùng các loại; Mua bán và cho thuê ô tô, mua bán phụ tùng, máy móc, thiết bị chuyên ngành ô tô; Thiết kế, cải tạo phương tiện xe cơ giới đường bộ; Dịch vụ cứu hộ xe ô tô.
4. Tổng số các công ty con: 1
5. Chi tiết Công ty con được hợp nhất
 - Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ Ô TÔ CẦN THƠ**
 - Địa chỉ : 102 Cách Mạng Tháng Tám, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.
 - Tỷ lệ lợi ích : 58 %
 - Quyền biểu quyết : 58 %

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính:
Năm tài chính của các Công ty trong cùng Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong cùng Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Cơ sở hợp nhất

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con sẽ được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát Công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của Công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25
Máy móc và thiết bị	5 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10
Tài sản cố định khác	3 – 15

7. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Tập đoàn trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này không xác định thời hạn nên không được tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 4 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa thể hiện khoản chi phí thực tế Tập đoàn chi ra để sửa chữa lớn tài sản. Chi phí sửa chữa được phân bổ không quá 03 năm.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

12. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông tại công ty mẹ.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ riêng của từng Công ty.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các Công ty trong Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

Các Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Nghị quyết 30/2008/NQ-CP do Chính phủ ban hành ngày 11 tháng 12 năm 2008.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.882.046.022	3.233.562.519
Tiền gửi ngân hàng	12.951.126.931	3.216.855.731
Các khoản tương đương tiền (<i>khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng</i>)	-	2.500.000.000
Cộng	14.833.172.953	8.950.418.250

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	50.000	2.317.730.000
Đầu tư ngắn hạn khác	4.000.000.000	5.256.576.000
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng	-	256.576.000
- Khoản đầu tư ngắn hạn khác	4.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	4.000.050.000	7.574.306.000

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Số đầu năm	(1.635.854.665)
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	1.635.854.665
Số cuối năm	-

4. Phải thu khách hàng

Phải thu tiền bán và sửa chữa xe.

5. Trả trước cho người bán

Trả trước cho nhà cung cấp trong nước

6. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vật tư bảo hành còn phải thu	-	654.821.739
Vật tư xuất sửa chữa còn phải thu	-	1.103.241.549
Bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn nộp thừa	-	79.039.663
Phải thu tiền chiết khấu của Công ty TNHH Liên doanh Sản xuất Ô tô Ngôi Sao	538.440.000	886.823.520
Khoản phải thu khác	67.207.840	130.307.839
Cộng	605.647.840	2.854.234.310

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên vật liệu	7.765.882.494	5.666.805.385
Công cụ, dụng cụ	33.102.577	45.721.386
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.508.060.873	303.951.937
Hàng hóa	64.113.372.407	59.979.340.472
Cộng	74.420.418.351	65.995.819.180

Một số hàng hóa có giá trị là 10.508.123.711VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Hong Kong & Shanghai Banking Corporation Limited - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh.

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	73.269.954	127.541.760
Công cụ, dụng cụ	129.974.754	214.786.776
Chi phí khác	103.242.340	24.595.733
Cộng	306.487.048	366.924.269

9. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	1.025.861.746	1.307.911.681
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	795.348.839	1.144.355.465
Tài sản thiếu chờ xử lý	1.403.356	6.203.356
Cộng	1.822.613.941	2.458.470.502

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Số đầu năm	21.468.498.578	4.171.362.826	20.822.677.075	1.859.778.657	286.196.643	48.608.513.779
Tăng trong năm	1.707.349.463	676.743.626	13.349.984.924	491.796.098	16.178.000	16.242.052.111
Thanh lý, nhượng bán trong năm	(189.039.450)	-	(11.313.220.835)	(69.300.238)	-	(11.571.560.523)
Số cuối năm	22.986.808.591	4.848.106.452	22.859.441.164	2.282.274.517	302.374.643	53.279.005.367
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	58.262.064	489.211.946	6.520.239.774	643.389.454	244.746.349	7.955.849.587
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	7.966.902.925	2.416.868.593	2.590.970.675	1.190.248.756	270.843.457	14.435.834.406
Khấu hao trong năm	2.625.077.619	445.533.868	2.666.298.958	295.198.971	701.736	6.032.811.152
Thanh lý, nhượng bán trong năm	(165.121.196)	-	(1.857.723.392)	(62.262.594)	-	(2.085.107.182)
Số cuối năm	10.426.859.348	2.862.402.461	3.399.546.241	1.423.185.133	271.545.193	18.383.538.376
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	13.501.595.653	1.754.494.233	18.231.706.400	669.529.901	15.353.186	34.172.679.373
Số cuối năm	12.559.949.243	1.985.703.991	19.459.894.923	859.089.384	30.829.450	34.895.466.991
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	11.646.416.800	12.500.000	11.658.916.800
Tăng trong năm		416.499.480	416.499.480
Số cuối năm	-	428.999.480	12.075.416.280
Trong đó:	11.646.416.800		
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			12.500.000
	-	12.500.000	
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm			12.500.000
Khấu hao trong năm	-	12.500.000	41.083.248
Số cuối năm	-	41.083.248	53.583.248
	-	53.583.248	
Giá trị còn lại			
Số đầu năm			11.646.416.800
Số cuối năm	11.646.416.800	-	12.021.833.032
Trong đó:	11.646.416.800	375.416.232	
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

12. Đầu tư dài hạn khác

Khoản đầu tư mua trái phiếu.

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	120.986.962	278.116.654
Chi phí sửa chữa	45.753.141	137.259.441
Cộng	166.740.103	415.376.095

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm 2009 như sau:

Số đầu năm	75.788.819
Phát sinh trong năm	49.155.641
Số cuối năm	124.944.460

15. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

16. Lợi thế thương mại

Khoản chênh lệch giữa giá mua với giá trị hợp lý của tài sản thuần tại ngày mua của Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ (Công ty con). Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh cho rằng giá trị sổ sách tại các ngày mua là giá trị hợp lý. Lợi thế thương mại được phân bổ trong 10 năm.

Lợi thế thương mại	5.193.667.678
Phân bổ vào chi phí năm trước	(389.204.149)
Phân bổ vào chi phí năm nay	(519.259.792)
Cộng	4.285.203.737

17. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hong Kong & Shanghai Banking Corporation Limited - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (a)	34.027.655.528	7.120.593.424
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương _ Chi nhánh Cần Thơ (b)	4.386.000.000	-
Vay ngắn hạn khác bằng phát hành kỳ phiếu nội bộ	-	10.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	180.000.000	80.000.000
Cộng	38.593.655.528	7.210.593.424

- (a) Khoản vay Hong Kong & Shanghai Banking Corporation Limited - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh để kinh doanh mua bán xe ô tô. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố hàng hóa là xe ô tô.
- (b) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương _ Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn kinh doanh xe ô tô.

Chi tiết vay ngắn hạn

Số đầu năm	7.210.593.424
Số tiền vay phát sinh trong năm	226.982.541.652
Số kết chuyển	180.000.000
Số tiền vay đã trả trong năm	(195.779.479.548)
Số cuối năm	38.593.655.528

18. Phải trả người bán

Phải trả nhà cung cấp trong nước tiền hàng hoá, dịch vụ.

19. Người mua trả tiền trước

Khách hàng ứng tiền mua xe.

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	730.311.335	1.438.192.046	(1.895.890.605)	272.612.776
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	39.161.306	(39.161.306)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	96.821.718	(96.821.718)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	1.652.073.201	6.101.204.255	(2.228.417.685)	5.524.859.771
Thuế thu nhập cá nhân	(175.685.031)	1.013.496.119	(599.201.491)	238.609.597
Tiền thuê đất	-	1.155.140.324	(1.155.140.324)	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	6.159.000	(6.159.000)	-
Các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
Cộng	2.206.699.505	9.850.174.768	(6.020.792.129)	6.036.082.144

(*) Số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 5.949.286.676 VND và phạt chậm nộp thuế là 151.917.579 VND.

Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Kinh doanh xe Mercedes Benz và các loại xe ô tô khác : 10%

Sửa chữa xe ô tô : 10%

Trong năm 2009, thuế giá trị gia tăng kinh doanh xe và phụ tùng sửa chữa xe được giảm 50%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.14.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	5.627.247.768
Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	322.038.908
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.949.286.676

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

Các khoản nợ thuế của các Công ty có thể thay đổi khi cơ quan thuế tiến hành kiểm tra thực tế tại các Công ty.

21. Phải trả người lao động

Lương còn phải trả.

22. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hoa hồng phải trả	-	154.327.680
Chi phí khác	17.500.000	13.500.000
Cộng	17.500.000	167.827.680

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	127.878.273	109.494.837
Bảo hiểm thất nghiệp	826.295	-
Tiền thuê kho phải trả Samco	383.000.000	383.000.000
Vật tư thừa	-	103.425.319
Hàng thừa chờ xử lý	29.945.455	29.945.455
Cổ tức đợt 1 năm 2009	87.069.600	-
Các khoản phải trả khác	130.014.632	39.171.408
Cộng	758.734.255	665.037.019

24. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông - Chi nhánh Tây Đô	66.663.944	146.666.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương - Chi nhánh Cần Thơ	100.000.000	-
Cộng	166.663.944	146.666.000

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

Từ 1 năm trở xuống	180.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	166.663.944
Tổng nợ	346.663.944

25. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	180.000.000
Số chi trong năm	166.663.944
Số cuối năm	346.663.944

26. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	-	-	-	-	-	-
Giá trị tài sản thuần của Công ty mẹ	16.257.300.000	-	4.261.003.601	1.178.506.465	4.791.856.724	26.488.666.790
Phát hành cổ phiếu trong năm trước	25.104.690.000	44.746.960.600	-	-	-	69.851.650.600
Tăng vốn từ lợi nhuận	1.950.120.000	-	-	-	(1.950.120.000)	-
Phân phối các quỹ trong năm	-	-	1.303.787.107	651.893.553	(3.911.361.320)	(1.955.680.660)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	12.997.664.405	12.997.664.405
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	(6.843.084.599)	(6.843.084.599)
Hoàn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-	-	-	13.292.556	13.292.556
Bổ sung thuế TNDN theo biên bản kiểm tra thuế	-	-	-	-	(18.542.768)	(18.542.768)
Số dư cuối năm	43.312.110.000	44.746.960.600	5.564.790.708	1.830.400.018	5.079.704.998	100.533.966.324
Số dư đầu năm	43.312.110.000	44.746.960.600	5.564.790.708	1.830.400.018	5.079.704.998	100.533.966.324
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	6.929.940.000	(100.000.000)	-	-	-	6.829.940.000
Phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn thặng dư vốn cổ phần cho cổ đông hiện hữu	30.316.410.000	(30.316.410.000)	-	-	-	-
Phân phối các quỹ trong năm nay	-	-	1.471.262.491	778.827.200	(2.985.720.936)	(735.631.245)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	14.553.029.363	14.553.029.363
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	(9.051.616.600)	(9.051.616.600)
Chi quỹ	-	-	-	(68.763.503)	-	(68.763.503)
Chi thưởng	-	-	-	-	(212.980.323)	(212.980.323)
Số dư cuối năm nay	80.558.460.000	14.330.550.600	7.036.053.199	2.540.463.715	7.382.416.502	111.847.944.016

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	26.287.860.000	14.114.810.000
Vốn góp của các cổ đông khác	54.270.600.000	29.197.300.000
Thặng dư vốn cổ phần	14.330.550.600	44.746.960.600
Cộng	94.889.010.600	88.059.070.600

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm là khoản cổ tức của năm trước và tạm ứng cổ tức của năm nay.

Cổ tức năm trước	12.606.939.800
Tạm ứng cổ tức năm nay theo Nghị quyết số 14/2009 ngày 02 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng quản trị	6.444.676.800
Cộng	9.051.616.600

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.055.846	4.331.211
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.055.846	4.331.211
- Cổ phiếu phổ thông	8.055.846	4.331.211
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.055.846	4.331.211
- Cổ phiếu phổ thông	8.055.846	4.331.211
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn kinh doanh của các Công ty trong Tập đoàn.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của các Công ty trong Tập đoàn theo quyết định của Hội đồng quản trị của từng Công ty.

27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	1.156.734.299
Tăng do trích từ lợi nhuận	735.631.245
Chi quỹ trong năm	(1.424.726.007)
Số cuối năm	467.639.537

28. Lợi ích cổ đông thiểu số

Vốn góp	4.191.050.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	866.174.946
Số cuối năm	5.057.224.946

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.313.796.542.787	626.835.594.497
• Doanh thu kinh doanh xe	1.235.090.964.357	560.019.766.404
• Doanh thu sửa chữa và bán phụ tùng	76.203.277.194	65.476.367.118
• Doanh thu khác	2.502.301.236	1.339.460.975
Các khoản giảm trừ doanh thu	(12.737.126.686)	(3.191.648.543)
• Hàng bán trả lại	(12.737.126.686)	(3.161.539.452)
• Giảm giá hàng bán	-	(30.109.091)
Doanh thu thuần	1.301.059.416.101	623.643.945.954
Trong đó:		
• Doanh thu thuần kinh doanh xe	1.222.353.837.671	557.481.571.271
• Doanh thu thuần sửa chữa và bán phụ tùng	76.275.699.974	65.119.019.823
• Doanh thu thuần khác	2.502.301.236	1.339.460.975

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Hoạt động kinh doanh xe	1.156.791.267.297	521.041.275.694
Dịch vụ sửa chữa xe, bán vật tư	61.768.129.171	50.986.037.817
Hàng Collection	115.771.811	115.622.580
Cộng	1.218.675.168.279	572.142.936.091

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	666.527.709	1.363.279.483
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.231.561.401	742.531.795
Lãi bán hàng trả chậm	76.158.878	36.766.591
Thu lãi từ hoạt động đầu tư chứng khoán	-	1.408.487.455
Thu nhập khoán từ đầu tư chứng khoán	471.560.000	315.760.000
Thu lãi từ cổ tức	8.570.000	-
Thu lãi từ hoạt động cho vay	67.086.333	-
Doanh thu tài chính khác	501.506.624	134.090.736
Cộng	3.022.970.945	4.000.916.060

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	2.773.510.551	4.535.000.428
Chi phí lãi mua hàng trả chậm	4.102.470.157	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.038.826.068	489.204.025
Chi phí môi giới bán chứng khoán	6.899.997	-
Lỗ do đầu tư chứng khoán	1.552.604.330	-
(Hoàn nhập) dự phòng đầu tư chứng khoán	(1.635.854.665)	1.200.014.665
Chi phí tài chính khác	-	12.251.082
Cộng	9.838.456.438	6.236.470.200

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	7.485.034.563	4.043.870.359
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.503.525.254	307.927.713
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.289.952.518	2.819.171.406
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.574.671.764	1.665.558.965
Chi phí khác	24.373.699.703	16.290.704.036
Cộng	45.226.883.802	25.127.232.479

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	5.323.624.015	4.435.031.812
Chi phí công cụ, dụng cụ	477.959.312	263.631.443
Chi phí khấu hao tài sản cố định	625.738.909	482.606.529
Chi phí dịch vụ mua ngoài	385.155.645	367.945.327
Chi phí khác	4.014.370.187	4.022.647.943
Cộng	10.826.848.068	9.571.863.054

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu thanh lý tài sản cố định	9.971.076.883	3.527.579.307
Thu tiền hỗ trợ, thưởng bán hàng	1.135.216.223	1.483.232.487
Thu khác	141.428.309	292.308.383
Cộng	11.247.721.415	5.303.120.177

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý	9.486.453.341	3.087.486.070
Phạt, truy thu thuế	16.495.666	785.559
Chi phí khác	198.029.461	302.652.272
Cộng	9.700.978.468	3.390.923.901

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.553.029.363	12.997.664.405
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	14.553.029.363	12.997.664.405
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	7.533.260	7.129.206
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.932	1.823

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	7.362.852	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu thưởng ngày 2 tháng 10 năm 2009	-	7.129.206
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 2 tháng 10 năm 2009	170.408	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.533.260	7.129.206

Trong năm, Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh đã sử dụng nguồn thặng dư vốn cổ phần để tăng vốn với số lượng là 3.031.641 cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố trong năm 2008.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	53.180.076.274	35.877.475.125
Chi phí nhân công	19.894.056.209	13.098.430.050
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.073.894.400	4.292.062.401
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.806.335.241	2.324.504.289
Chi phí khác	32.075.081.805	22.005.508.823
Cộng	121.029.443.929	77.597.980.688

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay
Chuyển thặng dư vốn cổ phần thành vốn chủ sở hữu	30.316.410.000
Tạm ứng cổ tức trong năm chưa chi	87.069.600
Cộng	30.403.479.600

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Sau ngày kết thúc năm tài chính, Công ty Liên doanh Mercedes Benz Việt Nam hỗ trợ 1.293.530.000 VND cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh tổ chức các sự kiện liên quan đến việc bán xe Mercedes trong năm 2009.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.428.884.095	711.914.740
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	7.920.901	7.586.000
Tiền thưởng	125.700.000	238.040.000
Phụ cấp	32.812.125	112.472.816
Cộng	1.595.317.121	1.070.013.556

3. Điều chỉnh số liệu của năm trước theo quyết định xử phạt vi phạm về thuế

Theo Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế ngày 21 tháng 4 năm 2009 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh, Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh phải nộp phạt và truy thu thuế với số tiền là 945.319.016 VND của 3 năm 2003, 2004 và 2005.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh đến số liệu so sánh của năm trước như sau:

	Mã số	Năm nay	Năm trước
Bảng cân đối kế toán			
Nợ phải trả	300	74.012.963.593	74.958.282.609
Nợ ngắn hạn	310	73.275.839.993	74.221.159.009
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	1.437.065.520	2.382.384.536
Nguồn vốn chủ sở hữu	400	102.636.019.639	101.690.700.623
Vốn chủ sở hữu	410	101.479.285.340	100.533.966.324
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	6.025.024.015	5.079.704.999

4. Điều chỉnh số liệu của năm trước do phát hành cổ phiếu thưởng trong năm 2009

Trong năm 2009, Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu với số lượng là 3.031.641 cổ phiếu (tỷ lệ thực hiện quyền 10:7; sở hữu 10 cổ phiếu được thưởng 07 cổ phiếu) bằng nguồn thặng dư vốn cổ phần.

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu năm 2008 được tính với giả định số cổ phiếu thưởng phát hành trong năm 2009 đã được phát hành từ tháng 01 năm 2008.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh đến số liệu so sánh của năm trước như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã hợp nhất năm trước	Số liệu điều chỉnh lại
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	3.228	1.823

5. Thông tin khác

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề sau: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kinh tế. Các Công ty trong Tập đoàn sẽ áp dụng các qui định này trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2010 trở đi.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 4 năm 2010

Phạm Hồng Ngọc
Người lập biểu

Nguyễn Thị Hồng Khanh
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám Đốc

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị xin trân trọng chào đón tất cả Quý vị cổ đông đến tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ XI của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh.

Năm 2009 đã qua đi với nhiều khó khăn và thách thức do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Tuy nhiên HAXACO đã tự vạch ra cho mình chiến lược phát triển, đồng thời nỗ lực để vượt qua những khó khăn chung.

Trong năm 2009 HAXACO đã có nhiều thay đổi quan trọng trong tư duy quản lý, điều hành, duy trì và cải tiến chính sách bán hàng, gia tăng khen thưởng, nâng cao chất lượng dịch vụ sửa chữa, chú trọng công tác chăm sóc khách hàng, luôn thực hiện đúng tiêu chí làm hài lòng khách hàng và đặc biệt đẩy mạnh hoạt động marketing, PR. Cán bộ Công nhân viên Công ty toàn tâm toàn ý đoàn kết chung sức vượt qua mọi khó khăn trở ngại. Với tất cả những nỗ lực đó, HAXACO đã đạt được những kết quả đáng khích lệ.

Sau hơn ba năm tham gia thị trường chứng khoán, cùng với tiềm năng và thực lực, HAXACO đã ngày càng khẳng định thương hiệu, có những bước ngoặt quan trọng trong quá trình phát triển, số lượng cổ đông ngày càng gia tăng và có nhiều cổ đông tâm huyết, trung thành trong suốt nhiều năm.

Trên tinh thần đó, chúng tôi rất vui mừng được báo cáo đến Quý vị là HAXACO đã hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2009 mà Đại hội đồng cổ đông lần X đã đề ra trong phiên họp thường niên ngày 11/04/2009.

Sau đây là một số chỉ tiêu tài chính đã thực hiện trong năm qua:



I. Đánh Giá Tình Hình Hoạt Động Của Công Ty Trong Năm Tài Chính.

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2009
1. Số xe dịch vụ	10.533
2. Số xe bán	1.058
3. Doanh thu thuần	1.183.212.177.876
4. Lợi nhuận trước thuế	20.290.717.034
5. Lợi nhuận sau thuế	14.712.624.907

- Giá trị sổ sách (tổng tài sản) tại thời điểm 31/12/2009 là **221.948.416.280** đồng

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
CƠ CẤU TÀI SẢN VÀ CƠ CẤU NGUỒN VỐN			
<i>Cơ cấu tài sản</i>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	74.78	69.73
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	25.22	30.27
<i>Cơ cấu nguồn vốn</i>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	49.27	41.68
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	50.73	58.32
Khả Năng Thanh Toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2.03	2.40
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1.63	1.85
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1.01	1.01
Tỷ Suất Sinh Lãi			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	1.71	2.92
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	1.24	2.32
Tỷ Suất Lợi Nhuận Trên Tổng Tài Sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	9.14	9.41
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	6.63	7.47
Tỷ Suất Lợi Nhuận Sau Thuế Trên Vốn Chủ Sở Hữu	%	13.12	12.96

II. Tổng Kết Hoạt Động Của Hội Đồng Quản Trị Năm 2009

1. Các cuộc họp của HĐQT năm 2009.

Trong năm 2009, HĐQT của HAXACO đã tiến hành các phiên họp sau:

PHIÊN HỌP	SỐ THÀNH VIÊN	NỘI DUNG
Phiên 1 14/01/2009	5/5	- Thống nhất chi lương tháng 13 và khen thưởng các cá nhân và tập thể đạt thành tích xuất sắc trong hoạt động năm 2008.
Phiên 2 22/01/2009	5/5	- Chi thưởng hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2008 cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.
Phiên 3 20/02/2009	5/5	- Chấp thuận vay tiện ích khoản tín dụng trị giá 39.600.000.000đ và giao dịch bảo đảm giữa Công ty và Ngân hàng HSBC.
Phiên 4 26/02/2009	4/5	- Thống nhất thực hiện việc phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn Điều lệ lên 80 tỷ để tiếp tục niêm yết tại sàn giao dịch chứng khoán TP HCM. Đồng ý gửi kế hoạch tăng vốn đến Sở Giao dịch chứng khoán TP HCM để gia hạn thời gian thực hiện tăng vốn đến 08/08/2009. - Thống nhất sơ bộ Phương án phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn Điều lệ lên 80 tỷ chuẩn bị cho việc xin ý kiến cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên lần X. - Thống nhất về cơ bản Kế hoạch Kinh doanh năm 2009 để báo cáo và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên lần X. - Thông qua về cơ bản các Kế hoạch đầu tư Dự án Cao ốc 10 ĐBP, Dự án cải tạo Showroom số 10 theo tiêu chuẩn MPSII của MBV, Dự án cải tạo Workshop, tiếp tục thực hiện các bước chuẩn bị cho việc hợp khối, dời hẻm trình Sở Tài nguyên Môi trường. - Chấp thuận cho HAXACO mở Workshop Mercedes-Benz và Autohaus 100 tại Cần Thơ. Thống nhất ủy quyền cho Tổng Giám Đốc HAXACO tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên lần IX của CAMECO, tái cấu trúc nhân sự, mô hình kinh doanh, tổ chức lại phương pháp và bộ máy quản lý ở CAMECO. - Tái cơ cấu lại nhân sự HAXACO để phù hợp tình hình suy thoái kinh tế và nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường.
Phiên 5 02/03/2009	5/5	- Chấp thuận cho HAXACO đầu tư các trang thiết bị theo tiêu chuẩn MPSII tại Showroom 10 Điện Biên Phủ. - Ban Quản lý Dự án HAXACO phải thực hiện việc đầu tư theo đúng thủ tục và quy trình.
Phiên 6 11/04/2009	5/5	- Thống nhất bầu chọn Ông Nguyễn Tiến Dũng giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhiệm kỳ IV (2009-2014). - Thống nhất tái bổ nhiệm Ông Nguyễn Văn Đức giữ chức Tổng Giám Đốc Nhiệm kỳ IV (2009-2014).

PHIÊN HỌP	SỐ THÀNH VIÊN	NỘI DUNG
Phiên 7 04/05/2009	5/5	<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ Nghị quyết số 01/2009/NQ/ĐHĐCĐX ngày 11/04/2009 của Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ X thông qua Tổng mức thù lao cho HĐQT, Ban Kiểm soát, HĐQT thống nhất phân bổ mức thù lao cụ thể cho từng chức danh. - Thống nhất bổ nhiệm Bà Nguyễn Bạch Tuyết giữ chức vụ Thư ký Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ IV (2009-2014)
Phiên 8 14/05/2009	4/5	<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ Nghị quyết số 01/2009/NQ/ĐHĐCĐX ngày 11/04/2009 của Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ X thông qua việc chi thưởng vượt kế hoạch năm 2007 số tiền 443.694.170đ được chi bằng tiền mặt thay cho việc chi bằng cổ phiếu, sau khi xem xét số liệu đã được kiểm toán, HĐQT và BKS thống nhất phân bổ việc chi thưởng cho HĐQT, BKS, Ban TGD và CBCNV.
Phiên 9 14/05/2009	4/5	<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ Nghị quyết số 01/2009/NQ/ĐHĐCĐX ngày 11/04/2009 của Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ X thông qua việc chi thưởng vượt kế hoạch năm 2007 số tiền 443.694.170đ được chi bằng tiền mặt thay cho việc chi bằng cổ phiếu. - Sau khi xem xét số liệu, HĐQT và BKS thống nhất phân chia tổng số tiền 143.073.871đ cho HĐQT và BKS.
Phiên 10 17/07/2009	5/5	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất yêu cầu giải quyết dứt điểm các khoản công nợ còn tồn đọng. - Về Dự án cao ốc VP 10 ĐBP, Hội đồng Quản trị yêu cầu đẩy nhanh tiến độ làm việc, nhanh chóng hoàn tất các thủ tục hồ sơ pháp lý cho việc dời hèm. - Hội đồng Quản trị đồng ý chính sách bán hàng hiện tại của HAXACO. - Hội đồng Quản trị yêu cầu BP phụ tùng, Xưởng Dịch vụ và Kế toán trưởng phối hợp Ban Kiểm soát thống nhất cách xử lý khoản chi phí vật tư dở dang khi chuyển đổi chương trình phần mềm ứng dụng.
Phiên 11 07/08/2009	5/5	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất chấp thuận cho phép HAXACO thuê Đơn vị thi công công trình cải tạo Nhà để xe và mở rộng Xưởng Dịch vụ tại số 10 ĐBP với giá thi công là 748.637.735đ. - Đồng ý cho HAXACO thuê Công ty TNHH XD Tam Hữu thực hiện công trình nói trên.
Phiên 12 21/08/2009	5/5	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất phân phối 13.254 cổ phiếu lẻ phát sinh do việc làm tròn và cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết trong đợt phát hành thêm CP tăng vốn cho 38 Nhân viên Công nhân với giá 10.000đ/CP. - Ủy quyền cho Tổng Giám Đốc thực hiện các công việc liên quan tới việc xử lý CP lẻ nói trên.

PHIÊN HỌP	SỐ THÀNH VIÊN	NỘI DUNG
Phiên 13 01/09/2009	5/5	<ul style="list-style-type: none"> - Chấp thuận đề cử 02 thành viên Hội đồng Quản trị tham dự triển lãm ô tô quốc tế IAA lần thứ 63 (Frankfurt IAA Cars 2009) được tổ chức tại Frankfurt và tham quan nhà máy Mercedes-Benz tại Stuttgart-Germany từ ngày 13/09/2009 đến ngày 30/09/2009.
Phiên 14 03/09/2009	5/5	<ul style="list-style-type: none"> - Chấp thuận cho phép Tổng Giám Đốc HAXACO được chủ động thanh lý các phế liệu cũ nát phát sinh trong quá trình tháo dỡ hai căn nhà cũ (331K và 331H Điện Biên Phủ, P15, Q Bình Thạnh) để lấy mặt bằng thi công công trình cải tạo Nhà để xe và mở rộng Xưởng Dịch vụ tại số 10 ĐBP. - Quá trình thanh lý tài sản sẽ được thực hiện bằng hình thức gọi các đơn vị thu mua ve chai phế liệu hoặc bán cho CB NV CN Công ty.
Phiên 15 30/09/2009	5/5	<ul style="list-style-type: none"> - Chấp thuận cho phép Tổng Giám Đốc HAXACO được chủ động thanh lý các tài sản hư cũ, không còn giá trị sử dụng và không còn giá trị sổ sách kế toán (6 tài sản). - Quá trình thanh lý tài sản sẽ được thực hiện bằng hình thức gọi các đơn vị thu mua phế liệu hoặc bán cho CB NV CN Công ty theo hình thức bán cho người mua trả giá cao nhất. Các khoản thu bán tài sản thanh lý được hạch toán kế toán theo đúng quy định của Bộ Tài chính.
Phiên 16 05/11/2009	5/5	<ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng Quản trị thống nhất xóa khoản chênh lệch chi phí vật tư đã tồn đọng quá lâu do thay đổi chương trình phần mềm kế toán, đồng thời yêu cầu HAXACO phải chú ý trích lập dự phòng giảm giá vật tư tồn kho. - Xem xét xử lý cụ thể từng khoản công nợ khó đòi của BP Kinh doanh Dịch vụ. - Về dự án Cao ốc VP số 10 ĐBP, HĐQT yêu cầu đẩy nhanh tiến độ làm việc, điều chỉnh số diện tích đất chuyển đổi khi dời hẻm. - Tiếp tục triển khai thực hiện Cao ốc VP kết hợp Showroom và Xưởng sửa chữa ô tô ở CAMECO. - Đồng ý chi lương tháng 13 cho CB NV CN Công ty nhằm khuyến khích động viên người lao động hoàn thành vượt mức kế hoạch. - Yêu cầu Tổng Giám Đốc lập Tờ trình đề nghị mức chi thưởng hoàn thành vượt mức kế hoạch 2009 cho HĐQT, BKS chuẩn bị trình ĐHCĐ quyết định.
Phiên 17 02/12/2009	5/5	<ul style="list-style-type: none"> - Đồng ý cho HAXACO thực hiện gọi Thông báo chốt Danh sách cổ đông đến TT Lưu ký CK và Sở Giao dịch CK TP HCM để tạm chi đợt 1 cổ tức năm 2009. - Thống nhất đồng ý tỷ lệ tạm chia cổ tức đợt 1 năm 2009 là 8% bằng tiền mặt. Ngày chốt danh sách dự kiến là ngày 18/12/2009 - Phần cổ tức còn lại cũng như phương thức thanh toán sẽ do ĐHCĐ thường niên lần XI quyết định. - Thời gian chi trả dự kiến từ ngày 30/12/2009.

2. Các Quyết định của HĐQT năm 2009.

- Ngày 14/01/2009 : Chi Lương Tháng 13.
- Ngày 14/01/2009 : Chi Khen Thưởng Cá Nhân Và Tập Thể Xuất Sắc.
- Ngày 23/01/2009 : Chi Thưởng Hoàn Thành Vượt Mức Kế Hoạch Năm 2008 Cho Hđqt&bks.
- Ngày 02/03/2009 : Chấp Thuận Cho Đầu Tư Các Trang Thiết Bị Theo Tiêu Chuẩn Mpsii Tại Showroom 10 Đbp
- Ngày 02/03/2009 : Thông Qua Việc Sử Dụng Vốn Của Đợt Phát Hành Năm 2007
- Ngày 02/03/2009 : Thông Qua Việc Phát Hành Thêm Cp Năm 2009 Và Phát Hành Cổ Phiếu Thưởng.
- Ngày 03/03/2009 : Điều Chính Mức Lương Của Tổng Giám Đốc.
- Ngày 11/04/2009 : Thông Qua Hồ Sơ Đăng Ký Chào Bán Cổ Phiếu
- Ngày 05/05/2009 : Phân Bỏ Mức Thù Lao Cho Hđqt Và Bks, Bỏ Nhiệm Thư Ký Hđqt.
- Ngày 14/05/2009 : Thống Nhất Chi Thưởng Thù Lao Cho Hđqt & Bks, Ban Tgđ Trên Phần Lợi Nhuận Sau Thuế Vượt Kh2007.
- Ngày 14/05/2009 : Thống Nhất Chi Bỏ Sung Lương Cho Cb Nv Cn Trên Phần Lợi Nhuận Sau Thuế Vượt Kh2007.
- Ngày 10/08/2009 : Thống Nhất Chấp Thuận Cho Phép Haxaco Thuê Đơn Vị Thi Công Công Trình Cải Tạo Nhà Để Xe Và Mở Rộng Xưởng Dịch Vụ Tại Số 10 Đbp Với Giá Thi Công Là 748.637.735đ. Đồng Ý Cho Haxaco Thuê Công Ty TNHH Xd Tam Hữu Thực Hiện Công Trình Nói Trên.
- Ngày 21/08/2009 : Xử Lý Cổ Phiếu Lê Phát Sinh Trong Đợt Phát Hành Tăng Vốn Lên 80 Tỷ.
- Ngày 04/09/2009 : Chấp Thuận Cho Phép Tổng Giám Đốc Haxaco Được Chủ Động Thanh Lý Các Phế Liệu Cũ Nát.
- Ngày 02/12/2009 : Tạm Chi Đợt 1 Cổ Tức Năm 2009 Với Tỷ Lệ Là 8%.



3. Đánh giá khả năng thực hiện trách nhiệm của Hội đồng Quản trị.

Trong năm 2009, HĐQT đã thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng và thực hiện tốt chức, quản lý theo phương pháp mang lại hiệu quả và lợi ích cao nhất cho Công ty và cho các cổ đông.

Nhìn tổng quan kết quả kinh doanh đạt được trong năm, HĐQT đã xây dựng chiến lược kinh doanh hợp lý và hiệu quả, đã tiến hành các điều chỉnh và thay đổi kịp thời đối với Công ty trên tất cả các lĩnh vực, bao gồm cả vấn đề tái cấu trúc Công ty.

HĐQT tập trung quản lý bằng bộ máy điều hành tốt nhất nhằm đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Tổng Giám đốc và Ban Điều hành; xây dựng niềm tin cho cổ đông, nhà đầu tư và các bên liên quan. Để thực hiện điều này, các chính sách của Công ty luôn đảm bảo các điểm cơ bản sau:

1. Cổ đông và các bên liên quan được đối xử công bằng và tốt đẹp như nhau.
2. HĐQT cam kết làm gia tăng thêm giá trị cho các lĩnh vực hoạt động của Công ty trong dài hạn bằng việc quản trị một cách thận trọng, chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ nhằm đảm bảo hiệu quả cao nhất, đạt được lợi ích tối đa cho cổ đông và ngăn chặn bất kỳ sự xung đột lợi ích nào, cũng như chịu trách nhiệm cho bất kỳ quyết định nào hay thỏa thuận nào do Công ty thực hiện.
3. Tất cả các hoạt động được triển khai một cách minh bạch và công khai cho việc giám sát, với sự cung cấp thông tin tương xứng cho các bên có liên quan.
4. Các hoạt động kinh doanh luôn tính đến các rủi ro với mức quản lý và được kiểm soát rủi ro hạn chế với mức thấp nhất. Công ty nhận thức được quyền của cổ đông trong việc nhận thông tin chính xác, kịp thời, đầy đủ và bình đẳng để đi đến việc ra quyết định tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty tạo cơ hội cho cổ đông có quyền như nhau trong việc giám sát các hoạt động công ty, thực hiện các yêu cầu và đưa ra các đề xuất cũng như các góp ý nhằm cho công ty ngày càng hoàn thiện hơn nữa.

Nhờ đó, mặc dù trong thời gian qua môi trường kinh doanh tồn tại rất nhiều cạnh tranh và nguồn lực Công ty có hạn nhưng HAXACO đã biết đặt những ưu tiên mang tính thiết yếu lên hàng đầu để làm nền tảng tạo dựng sự phát triển bền vững và từng bước nâng cao tầm vóc và thương hiệu HAXACO trên thương trường. Đây cũng là một trong những sách lược hết sức quan trọng để nâng cao năng lực cạnh tranh của HAXACO trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

III. Kết Quả Giám Sát Tổng Giám Đốc Điều Hành Của HĐQT.

Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Căn cứ Điều 25 Chương VII Điều lệ Công ty về quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT.

Căn cứ Điều 31 Chương VIII Điều lệ Công ty về nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

Trong năm 2009, Hội đồng Quản trị đã thực hiện công tác giám sát Tổng Giám đốc trong các lĩnh vực trọng yếu sau:

- Tổ chức, điều hành và thực hiện kế hoạch hoạt động Kinh doanh – Dịch vụ do Đại hội đồng cổ đông lần X phê duyệt.
- Tình hình thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị.
- Việc tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh dịch vụ hàng ngày của Công ty.

Hội đồng Quản trị trân trọng báo cáo tới Đại hội đồng cổ đông kết quả giám sát Tổng Giám đốc trong năm 2009 như sau:

1. Tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh.

Kết quả kinh doanh năm 2009 đã vượt kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông lần X giao cho trong phiên họp thường niên ngày 11/04/2009, cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2009
1. Số xe dịch vụ	10.533
2. Số xe bán	1.058
3. Doanh thu thuần	1.183.212.177.876
4. Lợi nhuận trước thuế	20.290.717.034
5. Lợi nhuận sau thuế	14.712.624.907

2. Tình hình thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT.

Trong năm 2009, Tổng Giám đốc đã thực hiện tốt các quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT:

Dự đoán đúng thị trường, cân đối lượng xe nhập kho, giảm lượng xe tồn kho một cách đáng kể, đẩy nhanh tốc độ quay vòng vốn, tăng thị phần kinh doanh ô tô trong MBV.

Đảm bảo tỷ lệ cổ tức năm 2009 là 14% trên Vốn Điều lệ;

Phát hành thành công cổ phiếu HAX tăng Vốn Điều lệ lên thành 80.558.460.000đ trong năm 2009 nhằm huy động vốn để bổ sung cho hoạt động kinh doanh;

City Showroom 104 Nguyễn Văn Cừ được đánh giá hiện đại nhất Châu Á trong hệ thống của Mercedes-Benz toàn cầu và bước đầu kinh doanh có lãi.

Hoạt động Marketing với việc liên tục tổ chức các Event hướng tới khách hàng thực sự đã mang lại hiệu quả nhất định góp phần đẩy nhanh lượng xe PC bán ra gấp đôi, đồng thời gia tăng sự nhận biết về thương hiệu HAXACO trên thị trường ô tô không chỉ về dòng xe Mercedes-Benz mà còn là các dòng xe cao cấp khác

Haxaco nằm trong “Top 100 thương hiệu chứng khoán uy tín VN”. Giải thưởng được bình chọn bởi Hiệp hội chứng khoán Việt Nam, Trung tâm thông tin tín dụng Ngân hàng nhà nước và Tạp chí Chứng khoán

Đầu tư hiệu quả vào CAMECO – là nhà phân phối xe Mitsubishi tại Cần Thơ – với số cổ phần chi phối chiếm 57,59% (tính đến ngày 31/12/2009) đã đáp ứng mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh của Công ty với chi phí tiết kiệm nhất trên nền tảng sẵn có về nhân lực, nguồn lực và thị trường.

3. Tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày.

Năm 2009, tất cả các hoạt động Kinh doanh – Dịch vụ của Công ty đều nằm trong phạm vi được cho phép theo Giấy đăng ký kinh doanh, cũng như theo các quy định và luật pháp hiện hành tại Việt Nam. Các hoạt động kinh doanh hàng ngày đều thể hiện rõ:

1. Trách nhiệm với quyền lợi người lao động

Công ty soạn thảo và ban hành các tài liệu liên quan đến trách nhiệm của CBCNV đối với Công ty; triển khai các khóa huấn luyện, đào tạo định hướng; truyền đạt qua các phương tiện thông tin như mạng nội bộ, trang web, bản tin, họp nhóm ở các phòng ban; hướng dẫn CBCNV thực hiện nghiêm túc các chính sách của Công ty; chú trọng rèn luyện CBCNV tinh trung thực, tinh thần trách nhiệm, thái độ làm việc chuyên nghiệp.

Công ty có chính sách thưởng phạt thỏa đáng, công bằng và phân minh để khuyến khích sự nỗ lực và gắn bó của CBCNV đối với Công ty cũng như xây dựng một môi trường làm việc trong sạch và lành mạnh.

Với mục tiêu đào tạo đội ngũ CBCNV lành nghề, giỏi quản lý. Hằng năm Công ty dành trích ra một khoản kinh phí khá lớn cho công tác đào tạo, hỗ trợ cho CBCNV tham gia các khóa đào tạo về nghiệp vụ, ngoại ngữ trong nước và tham quan học hỏi ở nước ngoài.

Quan niệm người lao động vừa là đối tượng phục vụ vừa là động lực cho sự phát triển, trong nhiều năm qua những chính sách đúng đắn của HAXACO đã giữ được và ngày càng thu hút thêm nhiều người tài đức; hầu như không có hiện tượng chảy máu chất xám.

Hệ thống quản lý toàn diện càng ngày càng hoàn thiện hơn giúp cho những nhân viên mới nhanh chóng hòa nhập vào công ty.

2. Trách nhiệm với xã hội

Với quan niệm rằng việc cải thiện điều kiện làm việc cho CBCNV là một phần tất yếu trong tất cả các hoạt động, Ban Lãnh đạo HAXACO luôn luôn quan tâm đến môi trường làm việc của người lao động, nhằm đóng góp một phần vào việc xây dựng phát triển xã hội bền vững.

Chính sách này bao gồm những cam kết sau đây:

- Tuân thủ Pháp luật Lao động Việt Nam về lao động và các qui định của Pháp luật khác đang áp dụng;
- Thường xuyên cải tiến điều kiện làm việc cho CBCNV và bảo vệ môi trường cho cộng đồng ngày càng tốt hơn.
- Duy trì hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.

3. Chính sách đối với khách hàng và các đối tác kinh doanh

HAXACO luôn cố gắng thỏa mãn các yêu cầu hợp lý của khách hàng với quan điểm bảo đảm sự hài hòa về lợi ích của các bên.

Đối với đối tác kinh doanh, HAXACO cũng xác định rằng chỉ có sự hợp tác đầy thiện chí mới có thể mang lại kết quả tốt đẹp và giúp cho tất cả các bên cùng nhau phát triển và tiến bộ.

Sự phát triển và tiến bộ của từng doanh nghiệp là nền tảng cho sự phát triển chung của toàn xã hội. Đóng góp cho sự phát triển này được xác định là một sứ mệnh quan trọng của HAXACO. Cạnh tranh lành mạnh là cách nghĩ, cách làm xuyên suốt của Lãnh đạo và toàn thể CBCNV trong Công ty.

IV. Các Kế Hoạch Dự Kiến.

- Xây dựng Workshop mới trong TP.HCM.
- Chuẩn bị các bước công việc xây dựng Tòa nhà Văn phòng tại số 10 Điện Biên Phủ.
- Hợp tác mở Showroom Mitsubishi và Autohaus MB mới tại Cần Thơ.

KẾ HOẠCH KINH DOANH DỊCH VỤ GIAI ĐOẠN 2010 – 2012				DVT: triệu đồng
CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2009	KẾ HOẠCH 2010	KẾ HOẠCH 2011	KẾ HOẠCH 2012
1. Số xe bán	1.058	910	955	1.003
2. Số lượt xe cung cấp dịch vụ	10.533	11.500	12.075	12.679
3. Doanh thu thuần	1.183	1.300	1.365	1.433
4. Lợi nhuận trước thuế	20,290	20,000	21,000	22,050
5. Lợi nhuận sau thuế	14,712	15,000	15,750	16,537
6. Vốn điều lệ	80,558	80,558	80,558	80,558
7. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ	19,53%*	18,62%	19,55%	20,53%

(*) Tỷ suất lợi nhuận trên Vốn điều lệ năm 2009 được tính trên số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm là 7.533.260 cổ phiếu.

V. Kết Luận

Kính thưa Đại hội, Tôi đã báo cáo và trình bày đến Quý vị về Kết quả Kinh doanh Dịch vụ năm 2009, Chiến lược phát triển giai đoạn 2010 – 2012 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh.

Trong năm 2010, Hội đồng Quản trị cùng Ban Tổng Giám Đốc điều hành cam kết trước các nhà đầu tư sẽ nỗ lực nhiều hơn nữa để tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

Chúng tôi cũng tin tưởng rằng HAXACO sẽ từng bước khẳng định uy tín của mình và tạo niềm tin cho công chúng đầu tư. HAXACO sẽ ngày càng phát triển và nâng cao năng lực hoạt động, đem lại lợi ích thiết thực cho cổ đông của Công ty và góp phần xã hội hóa hoạt động của thị trường chứng khoán.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Xin chân thành Cảm ơn, kính chúc Quý vị cổ đông sức khỏe và thành đạt.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Tiến Dũng



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2009

1. Cơ cấu tổ chức:

Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ X nhiệm kỳ IV (2009 - 2014) đã bầu 3 thành viên Ban kiểm soát bao gồm:

- Ông Văn Ngọc Trường Sơn
- Ông Nguyễn Văn Minh
- Bà Trần Thị Ngọc Phương

Ban kiểm soát đã họp và bầu ông Văn Ngọc Trường Sơn giữ chức vụ Trưởng ban; đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. Đồng thời thông qua quy chế hoạt động của Ban theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- 2.1. Kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực trong quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và việc chấp hành Điều lệ Công ty, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.
- 2.2. Đã xem xét việc lựa chọn Công ty kiểm toán và có ý kiến với HĐQT Công ty thuê Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2009; Đồng thời xem xét báo cáo kết quả kiểm toán của Công ty sau khi kiểm toán.
- 2.3. Kiến nghị biện pháp cải tiến, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 2.4. Đã giám sát việc chỉ đạo và triển khai hoạt động của HĐQT cũng như việc triển khai thực hiện nhiệm vụ của Ban Tổng Giám đốc điều hành.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

Xem xét các báo cáo tài chính định kỳ hàng quý, năm, thống nhất với báo cáo đánh giá tình hình hoạt động SXKD của HĐQT, báo cáo tài chính của Ban Tổng Giám đốc đưa ra và Báo cáo kết quả kiểm toán của Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn (A & C) đã trình bày.

III. ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CỔ ĐÔNG

Phối hợp làm việc nghiêm túc, chặt chẽ giữa HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát nhằm mục đích chung là phấn đấu hoàn thành kế hoạch SXKD, thực hiện theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông và các quy định của Pháp luật hiện hành.

Nhìn chung năm 2009 BKS được cung cấp đầy đủ các thông tin về các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị. Tuy nhiên trong năm 2009 một số cuộc họp của HĐQT chưa được thông báo nên BKS không thể tham dự.

Trong năm 2009 sự liên lạc, trao đổi hoặc hoạt động phối hợp giữa BKS với các cổ đông vẫn chưa có gì đáng kể. Để cải thiện vấn đề này BKS dự kiến từ năm 2010 sẽ chủ động sử dụng hình thức thu nhận ý kiến qua email và trao đổi trực tiếp với cổ đông thông qua Ban quan hệ cổ đông.

Nhìn chung hiệu quả hoạt động của Công ty đạt được trong năm là đáng khích lệ. Tuy nhiên cần phải hoàn thiện hơn trong khâu tổ chức bán hàng và các khoản chi phí phát sinh trong bán hàng. Bên cạnh đó Ban điều hành cũng cần lưu ý trong việc kiểm soát chi phí quản lý nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2010 CỦA BAN KIỂM SOÁT.

1. Tham gia tổ chức đại hội cổ đông thường niên năm 2010.
2. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng quý và năm trước khi phê duyệt.
3. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc.
4. Xem xét báo cáo của Công ty kiểm toán, thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty.
5. Nghiên cứu công tác kế hoạch, thực hiện kế hoạch, báo cáo tài chính, tình hình SXKD của Công ty và làm việc với HĐQT, Ban giám đốc cùng các cán bộ quản lý.
6. Kiểm tra định kỳ hàng quý và đột xuất liên quan đến công tác tổ chức, thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và Ban giám đốc.
7. Thu nhận các thông tin, trao đổi, giao tiếp với cổ đông và xử lý các vấn đề theo yêu cầu của cổ đông.

V. KIẾN NGHỊ

1. Về công tác nhân sự: Để xây dựng thương hiệu và phát triển ổn định bền vững, đề nghị HĐQT và Ban Tổng Giám đốc điều hành có kế hoạch dài hạn về xây dựng phát triển đào tạo đội ngũ cán bộ có trình độ, năng lực, đặc biệt là xây dựng chế độ tiền lương cho phù hợp.
2. Về công tác xây dựng kế hoạch: Việc thực hiện các chỉ tiêu sản lượng, doanh thu hàng năm đề ra. Ban KS kiến nghị cần phải xây dựng kế hoạch sát hơn với thực tế tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị.
3. Về công tác kế toán: Phòng kế toán cần cập nhật chính sách kịp thời để tính đúng, tính đủ và hạch toán đúng theo quy định của Nhà nước. Đồng thời cần xây dựng bộ phận tài chính để hỗ trợ cho việc phát triển của Công ty. Đặc biệt trong việc sử dụng vốn được hiệu quả.
4. Công ty cần gửi các báo cáo cho Ban kiểm soát kịp thời, đặc biệt là các báo cáo tài chính hàng tháng của công ty con và báo cáo hợp nhất của Công ty.
5. Ban lãnh đạo Công ty cần ban hành một số quy chế để hoàn thiện hơn công tác quản lý. Đặc biệt các quy định về bán hàng và chi phí bán hàng.

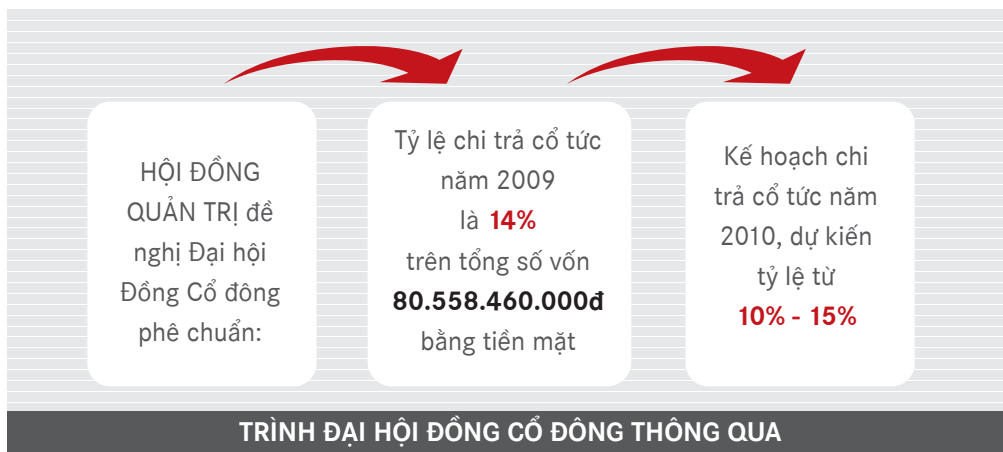
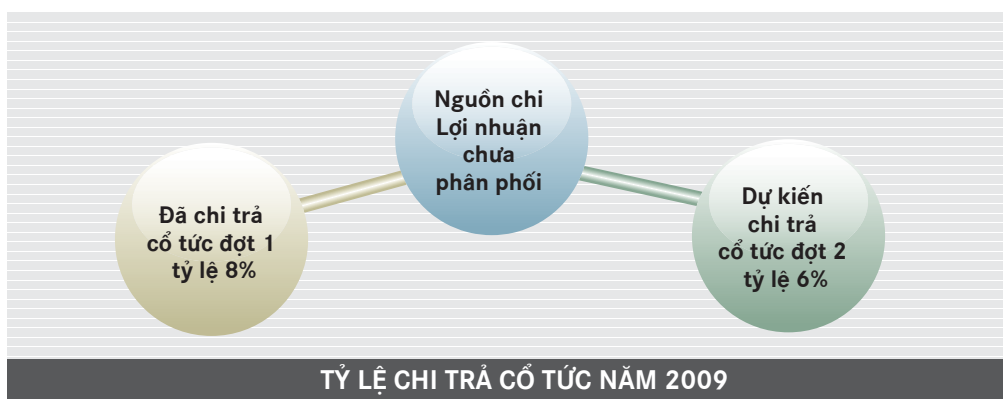
TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Văn Ngọc Trường Sơn



BÁO CÁO PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ CHI TRẢ CỔ TỨC

BÁO CÁO PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2009	
1. Lợi nhuận trước thuế năm 2009	20.290.717.034
2. Chi phí thuế TNDN	5.578.092.127
3. Lợi nhuận sau thuế	14.712.624.907
4. Trích lập các quỹ	2.942.524.981
5. Tạm chia cổ tức trong năm (8%)	6.444.676.800
6. Lợi nhuận còn lại	5.325.423.126



BÁO CÁO CHI TRẢ THÙ LAO CÔNG VỤ

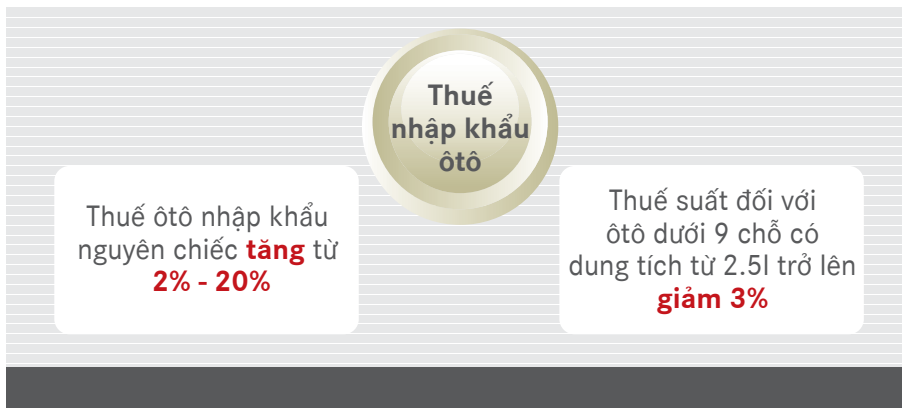
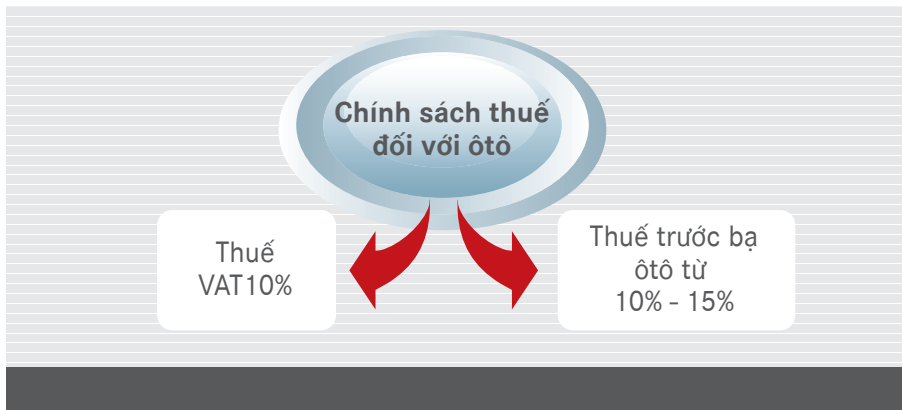
Căn cứ Nghị Quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên Lần X, tổng số thù lao công vụ năm 2009 đã chi trả cho HĐQT, BKS là **304,8** triệu đồng. Hội Đồng Quản Trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua tổng mức thù lao công vụ năm 2010 là **305** triệu đồng.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN 2010

- A. ĐẶC ĐIỂM THỊ TRƯỜNG
- B. SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ
- C. QUẢN TRỊ RỦI RO
- D. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN 2010V



A. ĐẶC ĐIỂM THỊ TRƯỜNG



Nguồn: VNEconomy, VNExpress, Thanh Niên...



B. SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ



C250 CGI

1.239.590.000 VND

(tương đương 64.900,00 US\$)



C300 Avantgarde

1.430.590.000 VND

(tương đương 74.900,00 US\$)



E250 CGI

1.697.990.000 VND

(tương đương 88.900,00 US\$)



E300 Sedan

2.272.900.000 VND

(tương đương 119.000,00 US\$)



S300 Long

3.781.800.000 VND

(tương đương 198.000,00 US\$)



S500 Long

4.641.300.000 VND

(tương đương 243.000 US\$)



E350 Coupé

2.750.400.000 VND

(tương đương 144.000,00 US\$)



CLS300

2.903.200.000 VND

(tương đương 152.000,00 US\$)



SLK200K

1.908.090.000 VND

(tương đương 99.900,00 US\$)



R350 Long

2.081.900.000 VND

(tương đương 109.000,00 US\$)



R500 Long 4MATIC

2.081.900.000 VND

(tương đương 109.000,00 US\$)



GLK 4MATIC

1.526.090.000 VND

(tương đương 79.900,00 US\$)



ML350 4MATIC

2.941.400.000 VND

(tương đương 154.000,00 US\$)



GL450 4MATIC

3.896.400.000 VND

(tương đương 204.000,00 US\$)



C 63 AMG

2.922.300.000 VND

(tương đương 153.000,00US\$)



Sprinter Executive 313

878.409.000 VND

(tương đương 45,990,00 US\$)



Sprinter Panel Van

614.829.000 VND

(tương đương 32.190,00 US\$)



E 63 AMG

3.743.600.000 VND

(tương đương 196.000,00US\$)



S 63 AMG

5.367.100.000 VND

(tương đương 281.000,00 US\$)



ML 63 AMG

3.839.100.000 VND

(tương đương 201.000,00 US\$)



SLS AMG

8.480.400.000 VND

(tương đương 444.000,00 US\$)



S400 Hybrid

4.412.100.000 VND

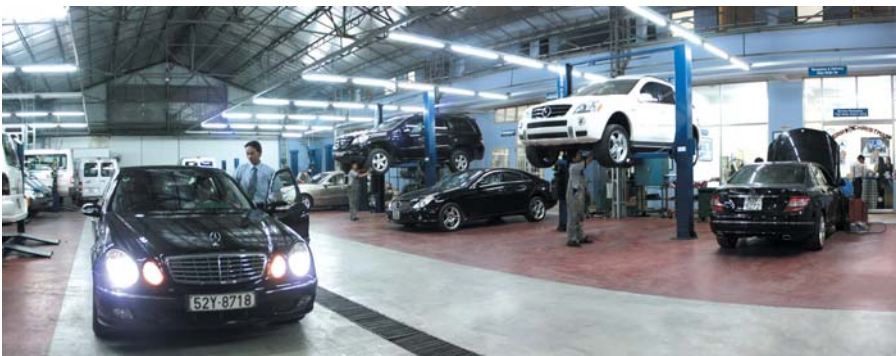
(tương đương 231.000,00 US\$)



Sprinter Business 311

830.659.000 VND

(tương đương 43,490US\$)



- Sửa chữa và bảo hành xe ô tô
- Kinh doanh phụ tùng xe ô tô
- Cho thuê xe du lịch
- Đóng mới thùng xe

B. QUẢN TRỊ RỦI RO

RỦI RO VỀ KINH TẾ

- Nền kinh tế Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển mạnh mẽ, tuy nhiên Việt Nam vẫn nằm trong nhóm những nước đang phát triển. Ngành công nghiệp Ô tô của Việt Nam còn chậm phát triển. Việt Nam có ít ô tô hơn các nước có cùng thu nhập. Bên cạnh đó, một yếu tố nữa tác động đến thị trường Ô tô Việt Nam là giá xe Ô tô ở Việt Nam khá cao. Thị trường xe Ô tô nhỏ bé nên rất khó cho các nhà sản xuất có thể giảm chi phí.
- Cơ sở hạ tầng ở Việt Nam còn rất yếu, đường giao thông nhỏ hẹp, chưa có quy hoạch cho xe ô tô. Những dịch vụ phục vụ cho xe ô tô như chỗ gửi xe, để xe chưa có nhiều và không thuận tiện cho người sử dụng xe ô tô.
- Ngoài ra, điều kiện nền kinh tế có nhiều ảnh hưởng bởi các yếu tố khách quan và chủ quan khác như chính sách chống lạm phát, điều tiết vĩ mô của chính phủ, bên cạnh thị trường chứng khoán và bất động sản chưa thật sự tăng trưởng mạnh và đặc biệt sự biến động tình hình kinh tế thế giới sẽ ảnh hưởng đến sức mua của người tiêu dùng.

RỦI RO KINH DOANH

- Haxaco là nhà phân phối chính thức của Mercedes-Benz, vì vậy, Haxaco luôn bị áp lực lấy hàng tồn kho mỗi tháng đồng thời bị động trong việc cung cấp xe cho khách hàng.
- Do sự cạnh tranh gay gắt và không lành mạnh giữa các nhà phân phối của Mercedes-Benz, tình trạng bán phá giá xe đang diễn ra sẽ gây nhiều khó khăn cho Haxaco khi muốn đảm bảo kế hoạch lợi nhuận của mình.
- Khi Việt Nam gia nhập WTO, hàng rào thuế quan được giảm xuống, các dòng xe nổi tiếng khác xuất hiện như BMW, Audi, Porsche ... , khi đó, sự chênh lệch giữa xe sản xuất trong nước và nước ngoài không còn nhiều, sự cạnh tranh giữa các thương hiệu xe càng trở nên gay gắt, nguy cơ mất thị phần càng cao, đặc biệt khi các chương trình dịch vụ và khuyến mãi đi kèm của các nhãn hiệu xe đều tương đương nhau bên cạnh thuế tiêu thụ đặc biệt cho dòng xe cao cấp tăng kể từ 01/04/2009 thì giá bán vẫn là điều quan trọng nhất.
- Xưởng Dịch vụ được đánh giá đứng đầu khu vực Đông Nam Á tuy nhiên xưởng đã cũ và nhỏ nên thường xuyên quá tải => hạn chế trong vấn đề sửa chữa và tăng thị phần.

RỦI RO KỸ THUẬT

Kiểu dáng, màu sắc cũng như kỹ thuật đều do chính hãng từ nước ngoài đưa ra. Đây chính là yếu tố rủi ro đối với Haxaco khi các sản phẩm do nhà sản xuất đưa ra không phù hợp với thị hiếu và nhu cầu của thị trường tiêu thụ tại Việt Nam.

RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG

Bầu khí quyển trái đất đang ấm dần lên, môi trường đang trong tình trạng ô nhiễm trầm trọng. Do đó, tiêu chuẩn xanh là vấn đề quan tâm hàng đầu, đòi hỏi ngành công nghiệp ô tô phải có những sản phẩm cải tiến thay thế, đáp ứng yêu cầu về khí thải môi trường.

RỦI RO VỀ TỶ GIÁ

Trong những năm tới, Haxaco khai thác lĩnh vực xe nhập khẩu. Công ty sẽ phải chi trả bằng ngoại tệ nhưng doanh thu lại bằng đồng Việt Nam. Khi tỷ giá của đồng ngoại tệ so với đồng Việt Nam thay đổi, giá xe nhập khẩu sẽ thay đổi theo. Do đó, sự thay đổi tỷ giá sẽ ảnh hưởng tới doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

RỦI RO VỀ PHÁP LUẬT

Là Công ty Cổ phần hoá từ doanh nghiệp Nhà nước, hoạt động của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về Công ty Cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi đó ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động quản trị kinh doanh của doanh nghiệp và sẽ ảnh hưởng đến giá cổ phiếu của Công ty.

C. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN 2010

- Kế Hoạch Thu Chi Tài Chính
- Kế Hoạch Phân Phối Lợi Nhuận
- Kế Hoạch Tiền Lương
- Kế Hoạch Đầu Tư
- Kế Hoạch Đào Tạo
- Kế Hoạch Nhân Sự
- Kế Hoạch Xây Dựng Thương Hiệu
- Hoạch Định Dự Án



KẾ HOẠCH THU CHI TÀI CHÍNH

<i>ĐVT: Triệu Đồng</i>			
CHỈ TIÊU	KINH DOANH	DỊCH VỤ	CỘNG
1. Số lượt xe dịch vụ		11.500	11.500
2. Số xe bán	910		910
Xe PC	450		450
Xe CV	400		400
Xe cũ	60		60
3. Doanh thu thuần	1.242.400	57.600	1.300.000
4. Tổng lợi nhuận trước thuế	11.000	9.000	20.000
5. Thuế TNDN (25%)	2.750	2.250	5.000
6. Lợi nhuận còn lại	8.250	6.750	15.000

KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

<i>ĐVT: Triệu Đồng</i>	
CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH
1. Tổng lợi nhuận trước thuế	20.000
2. Tổng lợi nhuận sau thuế	15.000
3. Thù lao công vụ HĐQT & BKS	305
4. Lợi nhuận còn lại	14.695
5. Tỷ suất LN còn lại trên VDL (%)	18,24

KẾ HOẠCH TIỀN LƯƠNG

Đơn giá tiền lương cho hoạt động KD-DV: 1đ Lợi nhuận trước thuế tương ứng với 0.90đ tiền lương. Tổng quỹ lương sẽ được phân phối cho các bộ phận theo hiệu quả công việc.

<i>ĐVT: Triệu Đồng</i>	
CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH
1. Tổng số CBNV - CN (bình quân)	170
2. Tổng quỹ lương dự kiến	18.000
3. Bình quân lương/người/năm	105,88
4. Bình quân lương/người/tháng	8,82

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

<i>ĐVT: Triệu Đồng</i>	
CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
Lập Dự án tiền khả thi Cao ốc VP 10 ĐBP	500
Nâng cấp server, internet, công nghệ thông tin	200
Nâng cấp, bảo dưỡng Tòa nhà, VP.	800
Trang thiết bị văn phòng	360
Đầu tư vào CAMECO	5.000
Trang thiết bị phụ tùng, nhà xưởng	3.000
CỘNG	9.860

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Tiếp tục chú trọng công tác đào tạo và tái đào tạo về mọi mặt: tay nghề, văn hóa, nâng cao và bồi dưỡng nghiệp vụ.

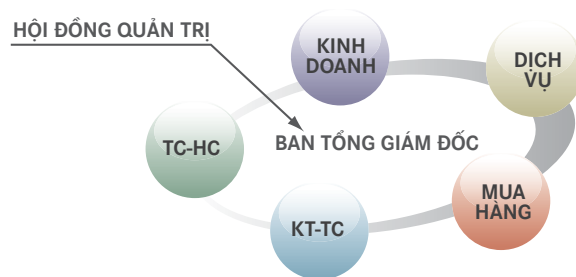
Thường xuyên tổ chức hoặc liên kết với Mercedes-Benz Vietnam, SAMCO, các tổ chức giáo dục bên ngoài thực hiện các khoá đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ và khả năng quản lý chuyên môn cho CBNV-CN Công ty nhằm nâng cao chất lượng nhân sự.

Trong năm 2010, dự kiến đào tạo 282 lượt người với tổng kinh phí khoảng 500 triệu đồng.

Chỉ Tiêu	Số Lượt Người Cần Đào Tạo	Địa Điểm	Thời Gian	Kinh Phí
Huấn luyện ATLD (Cty)	65	Haxaco (Kết hợp với TT Kiểm định &HLKTATLD)	Quý III/2010	4.00
Huấn luyện PCCC (Cty)	20	Đội PCCC Q. B.Thanh	Quý II/2010	9.00
Anh văn nâng cao (Ban TGD)	1	Cleverlearn	cả năm	64.00
Các khóa huấn luyện cập nhật thông tin mới về kỹ thuật trong chuẩn đoán sửa chữa xe, giới thiệu xe mới, các kỹ năng theo tiêu chuẩn nhà phân phối	Theo kế hoạch của MBV	MBV	cả năm	12.00
Cấu tạo & kỹ thuật trong sửa chữa xe	CVDV & KTV	Cty Haxaco	cả năm	
Tra cứu phụ tùng	1	MBV	Theo lịch MBV	
Quản lý kho (DV:1, MH:1)	2	MBV, VCCI	Quý 1/2010	4.00
Quản trị dự án (DV:1)	1	Trường ĐHKT	Quý 2/2010	9.00
Anh văn giao tiếp (DV:5,KD:36; MH:3)	44	Proskill ; Cleverlearn	Cả năm	220.00
Kỹ năng giao tiếp (DV:8,KD:34,TCHC:2,KTTC:2)	46	Samco,YBC; Cleverlearn, Pace	Quý 3,4/2010	46.00
Chăm sóc khách hàng (DV:2; KD:1)	2	MBV,PACE	Quý 2/2010	4.50
CEO (PGĐ:1,KD:4, DV:1)	6	ĐHKT, Pace	Quý 3/2010	66.00
Quản lý bán hàng (KD)	2	Pace	Quý II & III/2010	20.00
Marketing (KD:1, DV:1)	2	ĐHKT, Pace	Quý I & II/2010	10.00
PR Manager (KD)	1	ĐHKT, Pace	Quý I & II/2010	5.00
Nghiệp vụ XNK (KD:2,MH:1,DA:1)	5	VCCI, ĐHKT TP.HCM	Quý I/2010	6.00
Các lớp học Đảng, đoàn thể	15	Các tổ chức đào tạo	Cả năm	4.50
Tập huấn các chuyên đề về lĩnh vực kế toán và thuế	9	Trường ĐHKT, Hội Kế Toán TP.HCM	Cả năm	16.50
CỘNG	282			500.50

KẾ HOẠCH NHÂN SỰ

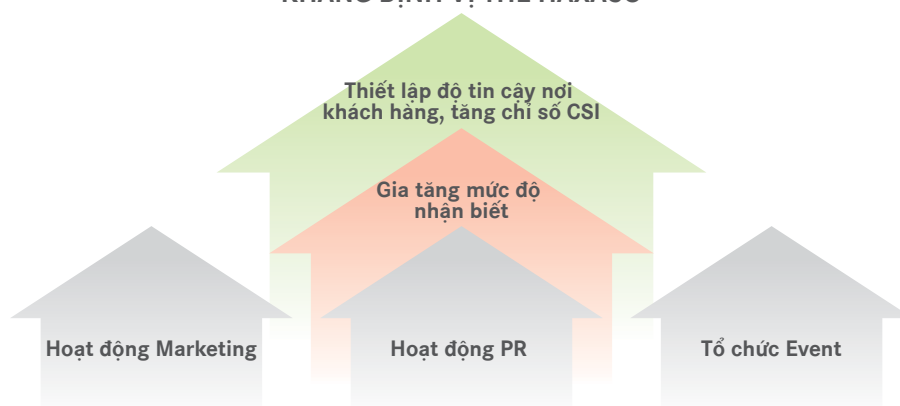
Tổng số nhân sự hiện tại là **159** người. Dự kiến trong năm 2010, HAXACO sẽ bổ sung khoảng **26** nhân sự cho các nhu cầu phát triển và giảm **05** nhân sự không đạt yêu cầu.



CHỈ TIÊU	NHÂN SỰ	BỔ SUNG NHÂN SỰ	GIẢM NHÂN SỰ
1. Ban Tổng Giám Đốc	2	0	0
2. Giám Đốc Bộ Phận	0	2	0
3. Phòng Tổ chức Hành chính	31	3	0
Lãnh đạo phòng	1		
Nhân viên văn phòng	7		
Nhân viên IT	1		
Bảo vệ	13	1	
Tài xế, phụ xế	7	1	
Cơ điện	1	1	
Nhân viên phục vụ	1		
4. Phòng Kế toán	11	0	0
5. Phòng Kinh Doanh MB	52	15	5
Lãnh đạo phòng	4		
Nhân viên văn phòng + Marketing	5	3	
Nhân viên tiếp tân	3		
Thủ kho	1		
Nhân viên giao nhận	3		
Nhân viên làm giấy tờ xe	1		
NV bán hàng + Giám sát bán hàng	31	12	5
Nhân viên phục vụ	3		
Nhân viên quầy giải khát	1		
6. Phòng Dịch vụ	57	5	0
Lãnh đạo phòng	3	0	0
Nhân viên văn phòng + Marketing	0	1	
Cố vấn Dịch vụ	7	0	0
Nhân viên pha sơn	2	0	0
Nhân viên theo dõi tiến độ	1	0	0
Nhân viên kiểm tra cuối cùng	1	0	0
Nhân viên bảo hành	2	0	0
Nhân viên chăm sóc khách hàng	1	0	0
Nhân viên phục vụ nước + VSCN	3	1	0
Công nhân, kỹ thuật viên	37	3	0
7. Bộ phận Mua hàng	5	1	0

KẾ HOẠCH XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU

KHẲNG ĐỊNH VỊ THỂ HAXACO



KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG

CHIẾN LƯỢC KÉO

Xây dựng các chính sách tiền lương thích hợp để khuyến khích nhân viên bán hàng.

Tổ chức các chương trình liên kết giữa nhà phân phối - khách hàng và các nhà cung cấp dịch vụ (ngân hàng, bảo hiểm ...)

Tim kiếm các khách hàng tiềm năng từ những nguồn khác nhau, kết hợp tài trợ những sự kiện lớn...

Kết hợp các hoạt động truyền thông khác nhằm mang lại lợi ích thiết thực cho khách hàng tư vấn online, đặt chỗ qua mạng, thông báo đến thời hạn bảo dưỡng xe định kỳ bằng email, điện thoại,...

Tổ chức chương trình khuyến mãi cho khách hàng mua xe và sử dụng dịch vụ.

Tặng thẻ V.I.P cho khách hàng kèm nhiều ưu đãi hấp dẫn có giá trị dài hạn

Tăng mức thưởng cho nhân viên bán hàng

CHIẾN LƯỢC ĐẨY

TOTAL BUDGET PLAN	Print+TV	3.6%	
	RM&POS	6.7%	
	CRM+Online	9.2%	
	Events	25.1%	
	Alt. Comm	0.5%	
	Press	12.9%	
	Test drive	15.2%	
	Car Forums	8.1%	
	Golf	5.2%	
	Others	13.5%	1% /revenue
	TOTAL	100.0%	



HOẠCH ĐỊNH DỰ ÁN

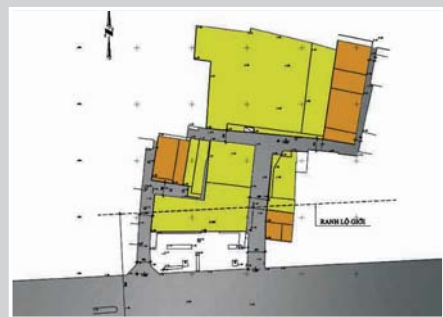
1. DỰ ÁN CAO ỐC 10 ĐIỆN BIÊN PHỦ



HAXACO BUILDING



Mặt bằng tổng thể



Hiện trạng



Phương án dịch hẻm (UBND Quận đề xuất)

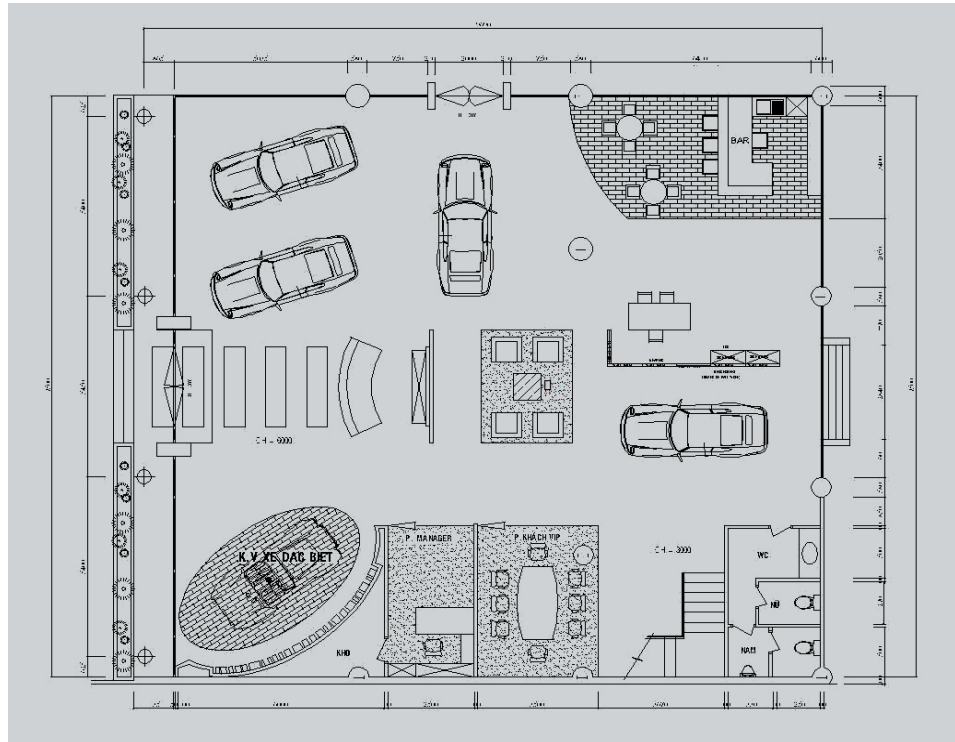
2. DỰ ÁN CAMECO BUILDING (Cần Thơ)



3. DỰ ÁN SHOWROOM MITSUBISHI (CAMECO)



4. DỰ ÁN AUTOHAUS MB (CAMECO)



Khu vực trưng bày



Phòng tiếp khách



Văn Phòng - Xưởng Dịch Vụ





Mercedes-Benz

HAXACO Autohaus

SHOWROOM & WORKSHOP: 10 (235/18) Dien Bien Phu St.,
Ward 15, Binh Thanh Dist., HCMC, Vietnam
Tel: (84.8) 3 512 0026 - Fax: (84.8) 3 512 0025

CITY SHOWROOM: 104 Nguyen Van Cu Str., Nguyen Cu Trinh Ward,
Dist. 1, HCMC, Vietnam
Tel: (84.8) 3 920 8176 - Fax: (84.8) 3 920 8175

www.haxaco.com.vn